

Helvetas Vietnam – Hiệp hội Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ

ETSP – Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao
218 Đội Cấn, Hòm thư GPO 81, Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: +84 4 832 98 33, Fax: +84 4 832 98 34
E-mail: etsp.office@hn.vnn.vn
Web site ETSP: <http://www.etsp.org.vn>, Web site Helvetas Vietnam: <http://www.helvetas.org.vn>

Hướng dẫn kỹ thuật **QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG**

Tháng 12, năm 2005



Đơn vị quản lý và tư vấn:

Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo Phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao Việt Nam – ETSP

Biên soạn: PGS.TS. Bảo Huy

Hướng dẫn này được phát triển dựa vào các tài liệu:

- 1) Dự án ETSP (2005): Tài liệu hướng dẫn hiện trường của người thúc đẩy của khóa tập huấn Quản lý rừng cộng đồng gồm 3 Module.
- 2) Dự án RDDL (2004): Hướng dẫn quản lý rừng dựa vào cộng đồng, Đắc Lắc.
- 3) Dự án Phát triển Lâm nghiệp xã hội Sông Đà (SFDP), GTZ/GFA (1999): Bộ tài liệu quản lý rừng cộng đồng.
- 4) Bảo Huy và cộng sự (2004): Xây dựng mô hình quản lý rừng và đất rừng dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số J Rai và Bahnar tỉnh Gia Lai. UBND tỉnh Gia Lai, Sở Khoa học & Công nghệ.
- 5) Nguồn tài liệu tập huấn quản lý rừng cộng đồng gồm 3 phần của dự án ETSP năm 2005.
- 6) Kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình thực hành lập kế hoạch quản lý rừng và tổ chức thực hiện, giám sát ở 3 tỉnh Hòa Bình, Thừa Thiên – Huế và Đắk Nông trong khuôn khổ thử nghiệm của dự án ETSP.
- 7) Đóng góp ý kiến của các thành viên tham gia tập huấn quản lý rừng cộng đồng ở 3 phần tổ chức bởi dự án ETSP, các bên liên quan ở hội thảo quản lý rừng cộng đồng tại Thành phố Huế ngày 14 tháng 10 năm 2005.
- 8) Các tài liệu về LNCD của các dự án khác như SFDP Sông Đà, RDDL Đắc Lắc, tổ chức GTZ/GFA.

Tư vấn bởi Philipp Roth, chuyên gia lâm nghiệp của GFA

Với sự tham gia của các nhóm nông cốt quản lý rừng cộng đồng của 3 tỉnh Hòa Bình, Thừa Thiên – Huế và Đắk Nông.

Hoàn chỉnh trên cơ sở đóng góp ý kiến tại hội thảo Quản lý rừng cộng đồng ngày 14/10/2005 do dự án ETSP tổ chức ở Thành phố Huế.

MỤC LỤC

Phần I : Giới thiệu	5
1.1 Bối cảnh và cơ sở xây dựng tài liệu hướng dẫn.....	5
1.2 Mục tiêu và đối tượng của hướng dẫn này.....	6
1.3 Giới thiệu tài liệu và hướng dẫn sử dụng	6
Phần II: Nguyên tắc quản lý rừng cộng đồng	9
2.1. Quản lý rừng cộng đồng phải phù hợp với chính sách và luật pháp nhà nước.....	9
2.2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan được áp dụng trong tiến trình CFM.....	9
2.2.1. Thu hút sự tham gia của người dân và nâng cao năng lực của cộng đồng	9
2.2.2. Vai trò của cán bộ kỹ thuật	10
2.2.3. Vai trò của thành viên trong cộng đồng	10
2.3. Nguyên tắc áp dụng các phương pháp kỹ thuật trong CFM.....	10
2.3.1 Áp dụng phương pháp linh hoạt.....	10
2.3.2 Phương pháp và công cụ đơn giản.....	10
2.3.3 Tính liên quan phù hợp	10
2.3.4 Hiệu quả chi phí	11
2.4. CFM là một tiến trình học tập của các bên liên quan.....	11
Phần III: Lập kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng	12
3.1. Đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia của người dân	12
Bước 1: Phân chia, đặt tên và đo đếm diện tích các lô rừng.....	12
Bước 2: Mô tả lô rừng và xác định mục tiêu quản lý rừng	14
Bước 3: Điều tra rừng có người dân tham gia.....	15
Bước 4: Phân tích dữ liệu - Ước lượng số cây khai thác bền vững	21
3.2. Lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm	27
Bước 5: Đánh giá nhu cầu lâm sản của cộng đồng.....	28
Bước 6: So sánh nhu cầu và khả năng cung cấp của các lô rừng	29
Bước 7: Lập kế hoạch 5 năm phát triển rừng.....	30
Phần IV: Xây dựng và thực hiện Quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng.....	33
Bước 1: Chuẩn bị.....	33
Bước 2: Họp thôn và thảo luận nhóm với nông dân để phác thảo quy ước	34
Bước 3. Viết và thông qua quy ước trong cộng đồng	37
Bước 4: Phê duyệt Quy ước.....	38
Bước 5: Phổ biến quy ước ở cấp thôn buôn	38
Bước 6: Giám sát, đánh giá việc thực thi quy ước	39

Phần V: Phê duyệt kế hoạch - Thực hiện và giám sát quản lý rừng cộng đồng..... 41

- 5.1. Phê duyệt kế hoạch phát triển rừng 5 năm41
- 5.2. Lập và phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.....42
- 5.3. Thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng43
- 5.4. Hệ thống giám sát, quản lý thực hiện kế hoạch.....44
- 5.5. Đề xuất quyền hưởng lợi và phân chia lợi ích từ rừng trong cộng đồng48

Phần VI: Mẫu biểu bảng..... 51

- Mẫu 1: Mẫu mô tả lô rừng.....51
- Mẫu 2: Mẫu ghi mục tiêu quản lý lô rừng.....53
- Mẫu 3: Sơ đồ định hướng xác định mục tiêu quản lý lô rừng.....54
- Mẫu 4: Mẫu điều tra ô mẫu55
- Mẫu 5: Mẫu tổng hợp kết quả điều tra của lô rừng.....56
- Mẫu 6: Mẫu cân đối cung cầu lâm sản 5 năm57
- Mẫu 7: Mẫu kế hoạch hoạt động 5 năm của lô rừng58
- Mẫu 8: Mẫu kế hoạch 5 năm phát triển rừng.....59
- Mẫu 9: Mẫu biên bản vi phạm quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng.....60
- Mẫu 10: Mẫu ghi trách nhiệm của Ban quản lý rừng cộng đồng61
- Mẫu 11: Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch quản lý rừng 5 năm của thôn buôn62
- Mẫu 12: Mẫu kế hoạch hoạt động năm63
- Mẫu 13: Mẫu đề nghị khai thác gỗ để sử dụng trong hộ gia đình.....64
- Mẫu 14: Bản phê duyệt khai thác gỗ để sử dụng trong hộ gia đình65
- Mẫu 15: Sổ ghi chép của thôn về khai thác gỗ của hộ gia đình.....66
- Mẫu 16: Sổ theo dõi khai thác gỗ để sử dụng ở các thôn - BQLR xã sử dụng67
- Mẫu 17: Mẫu ghi số lượng cây khai thác với mục đích thương mại68

Minh hoạ

Minh hoạ 1: Tiến trình quản lý rừng cộng đồng.....	7
Minh hoạ 2: Các bước điều tra tài nguyên rừng.....	11
Minh hoạ 3: Xác định các lô rừng trên bản đồ địa hình.....	12
Minh hoạ 4: Các bước phân chia lô rừng.....	13
Minh hoạ 5: Sơ đồ thiết kế tuyến điều tra rừng.....	17
Minh hoạ 6: Sơ đồ ô mẫu và các chỉ tiêu điều tra theo các ô phụ và ô tái sinh.....	18
Minh hoạ 7: Người dân sử dụng dụng cụ đơn giản để đo đếm cây rừng.....	18
Minh hoạ 8: Điều tra đánh giá tài nguyên rừng – Lập tuyến điều tra và thiết kế ô mẫu.....	19
Minh hoạ 9: Sơ đồ các bước thiết lập xây dựng mô hình rừng ổn định.....	22
Minh hoạ 10: Mô hình rừng ổn định cho rừng nửa rụng lá.....	23
Minh hoạ 11: Mô hình rừng ổn định cho rừng nửa rụng lá.....	23
Minh hoạ 12: Mô hình rừng ổn định cho rừng thường xanh.....	24
Minh hoạ 13: Mô hình rừng ổn định cho rừng khộp theo mục tiêu gỗ vừa và nhỏ.....	24
Minh hoạ 14: So sánh biểu đồ giữa mô hình rừng ổn định và mô hình thể hiện hiện trạng rừng.....	25
Minh hoạ 15: Các bước cần thiết trong việc lập kế hoạch quản lý rừng 5 năm.....	26
Minh hoạ 16: Ma trận phân tích nhu cầu lâm sản cho cộng đồng trong 5 năm.....	28
Minh hoạ 17: Các giải pháp để lồng ghép lâm sản ngoài gỗ trong kế hoạch quản lý rừng.....	31
Minh hoạ 18: Chu trình xây dựng và thực hiện qui ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng.....	32
Minh hoạ 19: Các vấn đề thảo luận khi xây dựng qui ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng.....	34
Minh hoạ 20: Công tác giám sát và quản lý trong CFM.....	40
Minh hoạ 21: Sơ đồ thực hiện khai thác gỗ cho nhu cầu của thôn và thương mại.....	46
Minh hoạ 22: Hưởng lợi và phân chia lợi ích trong cộng đồng (khai thác gỗ bán).....	48
Minh hoạ 23: Hưởng lợi và phân chia lợi ích trong cộng đồng (khai thác gỗ dùng trong thôn).....	49

Phần I : Giới thiệu

1.1 Bối cảnh và cơ sở xây dựng tài liệu hướng dẫn

Luật đất đai năm 2003 và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 công nhận chính thức phương thức quản lý rừng cộng đồng (CFM), trong đó đề cập đến việc phát huy nguồn lực người dân địa phương và truyền thống quản lý rừng của các cộng đồng dân tộc để quản lý rừng bền vững lâu dài, đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng rừng và tạo ra sinh kế cho người dân nông thôn miền núi sống gần rừng.

Quản lý rừng cộng đồng được tiến hành sau khi cộng đồng được giao đất giao rừng, có nghĩa cộng đồng có đầy đủ quyền sử dụng đất rừng theo luật định. Mục đích của quản lý rừng cộng đồng là nhằm nâng cao khả năng đầu tư phát triển rừng của người nhận rừng và đưa ra các biện pháp quản lý rừng bền vững lâu dài, góp phần giải quyết nhu cầu sử dụng rừng của cộng đồng và cải thiện sinh kế dựa vào kinh doanh rừng.

Sự hình thành và phát triển phương thức quản lý rừng cộng đồng đòi hỏi những thay đổi và bổ sung về các mặt thể chế, tổ chức, tài chính và kỹ thuật. Vì vậy cần có những hoạt động thử nghiệm trên hiện trường để thử nghiệm và đúc rút để phản hồi cho việc phát triển chính sách cũng như nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lâm nghiệp để có thể áp dụng những giải pháp tiếp cận lập kế hoạch và kỹ thuật lâm sinh có sự tham gia thích hợp với điều kiện quản lý rừng cộng đồng – Một phương thức quản lý rừng mới.

Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao Việt Nam được tài trợ bởi Chính phủ Thụy Sĩ/SDC, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, và tư vấn bởi tổ chức Helvetas Việt Nam đã khởi xướng một chuỗi tập huấn về "Quản lý rừng cộng đồng" cho cán bộ lâm nghiệp của 3 tỉnh Hòa Bình, Thừa Thiên – Huế và Dak Nông. Đây là kiểu đào tạo tập huấn viên, sau tập huấn các cán bộ lâm nghiệp này sẽ là người nòng cốt trong phát triển phương pháp luận quản lý rừng cộng đồng ở địa phương của họ và thực hiện việc đào tạo mở rộng cho nhiều cán bộ kỹ thuật lâm nghiệp ở các cấp khác nhau. Đợt tập huấn này chia làm 3 đợt: i) Đợt 1 ở tỉnh Hòa Bình với mục tiêu làm rõ khái niệm lâm nghiệp cộng đồng, thực hành các công cụ kỹ năng cơ bản trong thúc đẩy cộng đồng xây dựng quy ước quản lý và bảo vệ rừng, điều tra rừng có sự tham gia và lập kế hoạch 5 năm quản lý rừng cộng đồng; giữa phần 1 và 2 thành viên được tập huấn của 3 tỉnh đã tiến hành tổ chức thúc đẩy cộng đồng lập quy ước và kế hoạch 5 năm quản lý rừng; ii) Đợt 2 được tổ chức ở tỉnh Dak Nông với mục tiêu phản hồi các kinh nghiệm lập kế hoạch quản lý rừng cùng với người dân, cung cấp thêm cho học viên về kỹ năng thúc đẩy, phân tích các mâu thuẫn, bổ sung các công cụ tiếp cận và thảo luận về phân chia lợi ích trong quản lý rừng cộng đồng, các thủ tục hành chính cần thiết đổi mới để hỗ trợ cho kiểu quản lý rừng mới dựa vào cộng đồng; giữa phần 2 và 3 các học viên đã trình kế hoạch 5 năm của các thôn buôn để các cấp chính quyền tỉnh, huyện phê duyệt và đề xuất các thủ tục thực hiện khai thác sử dụng rừng cộng đồng phù hợp; iii) Đợt 3 được tổ chức ở Thừa Thiên – Huế nhằm phản ánh và chia sẻ những kết quả đạt được, tập trung vào việc tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng, các quy định thủ tục được đề xuất cải tiến cho phù hợp, xem xét và tài liệu hóa hướng dẫn kỹ thuật về quản lý rừng cộng đồng, hướng dẫn áp dụng kỹ thuật lâm sinh cho cộng đồng. Trên cơ sở các kinh nghiệm tích lũy được này và các tài liệu liên quan, hướng dẫn này được biên soạn.

Tiến trình quản lý rừng cộng đồng, dựa trên cơ sở các cộng đồng đã được giao đất giao rừng, bắt đầu bằng việc người dân địa phương có thể xây dựng các kế hoạch quản lý rừng trên cơ sở xem xét đến nhu cầu lâm sản của mình và cân đối nguồn tài nguyên rừng hiện có; tiếp theo là xây dựng các quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng của mình và liên kết chúng với khung pháp lý của nhà nước. Đồng thời để thực hiện kế hoạch này, cộng đồng cần có hướng dẫn và tập huấn kỹ thuật lâm sinh kết hợp với kiến thức sinh thái địa phương để bảo đảm cho việc thực hiện đúng đắn. Cuối cùng nhưng cũng không kém phần quan trọng là phải thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả cũng như chi phí.

Tài liệu này được xây dựng nhằm hỗ trợ cho tiến trình nói trên, trong đó giới thiệu phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong thẩm định tài nguyên rừng, lập và thực hiện kế hoạch quản lý rừng, xây dựng quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng; làm sáng tỏ vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan, trong đó cộng đồng có cơ hội nâng cao năng lực và ra các quyết định quản lý tài nguyên rừng mà họ đã được thừa nhận quyền sử dụng.

1.2 Mục tiêu và đối tượng của hướng dẫn này

Mục tiêu của tài liệu hướng dẫn:

- ♦ Cung cấp những nguyên tắc, phương pháp tiếp cận trong quá trình quản lý rừng cộng đồng, nhấn mạnh sự tham gia của các bên liên quan và vai trò của cộng đồng trong toàn bộ tiến trình.
- ♦ Trình bày quy trình kỹ thuật thống nhất cho việc lập Kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng và xây dựng Quy ước Quản lý Bảo vệ và Phát triển rừng, cũng như hướng dẫn về các hoạt động giám sát đánh giá trong tiến trình thực hiện CFM.

Đối tượng sử dụng tài liệu này:

Đối tượng sử dụng hướng dẫn này là các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến quản lý lâm nghiệp và những cán bộ thúc đẩy quá trình Quản lý rừng cộng đồng. Bao gồm:

- Cán bộ quản lý nhà nước liên quan đến lâm nghiệp các cấp để theo dõi tiến trình CFM và ra các quyết định để hỗ trợ cho các hoạt động được diễn ra.
- Cán bộ lâm nghiệp của Sở NN & PTNT, Chi cục Kiểm lâm và cán bộ ở các phòng ban liên quan ở huyện, Khuyến nông lâm huyện, Hạt kiểm lâm, cán bộ Lâm trường, Ban Lâm nghiệp xã, Khuyến nông lâm xã ...

Tài liệu này còn có thể được sử dụng để giảng dạy đào tạo tiến trình quản lý rừng cộng đồng ở các trường đại học, trung học lâm nghiệp; đào tạo các cán bộ kỹ thuật để thúc đẩy tiến trình này ở các địa phương.

1.3 Giới thiệu tài liệu và hướng dẫn sử dụng

Tài liệu này bao gồm 6 phần:

Phần I – Giới thiệu: Bao gồm những thông tin chung về bối cảnh của quản lý rừng cộng đồng, cũng như mục tiêu và đối tượng sử dụng của tài liệu hướng dẫn.

Phần II – Nguyên tắc quản lý rừng cộng đồng: Cung cấp các nguyên tắc cần thống nhất chung trong tiến trình CFM liên quan đến tiếp cận có sự tham gia, vai trò của các bên và của cộng đồng, CFM trong khung pháp lý và các yêu cầu về tính linh hoạt, thực tiễn, hiệu quả, ... của quản lý rừng cộng đồng nhằm bảo đảm cho tính bền vững và phù hợp của nó trong tiến trình phát triển.

Phần III – Lập kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng: Giới thiệu theo từng bước với các kết quả cụ thể cần đạt được, phương pháp kỹ thuật, tiếp cận thích hợp, vật liệu cần thiết, cách tổ chức thực hiện, khung thời gian và các công cụ trợ giúp được liên kết với phần VI.

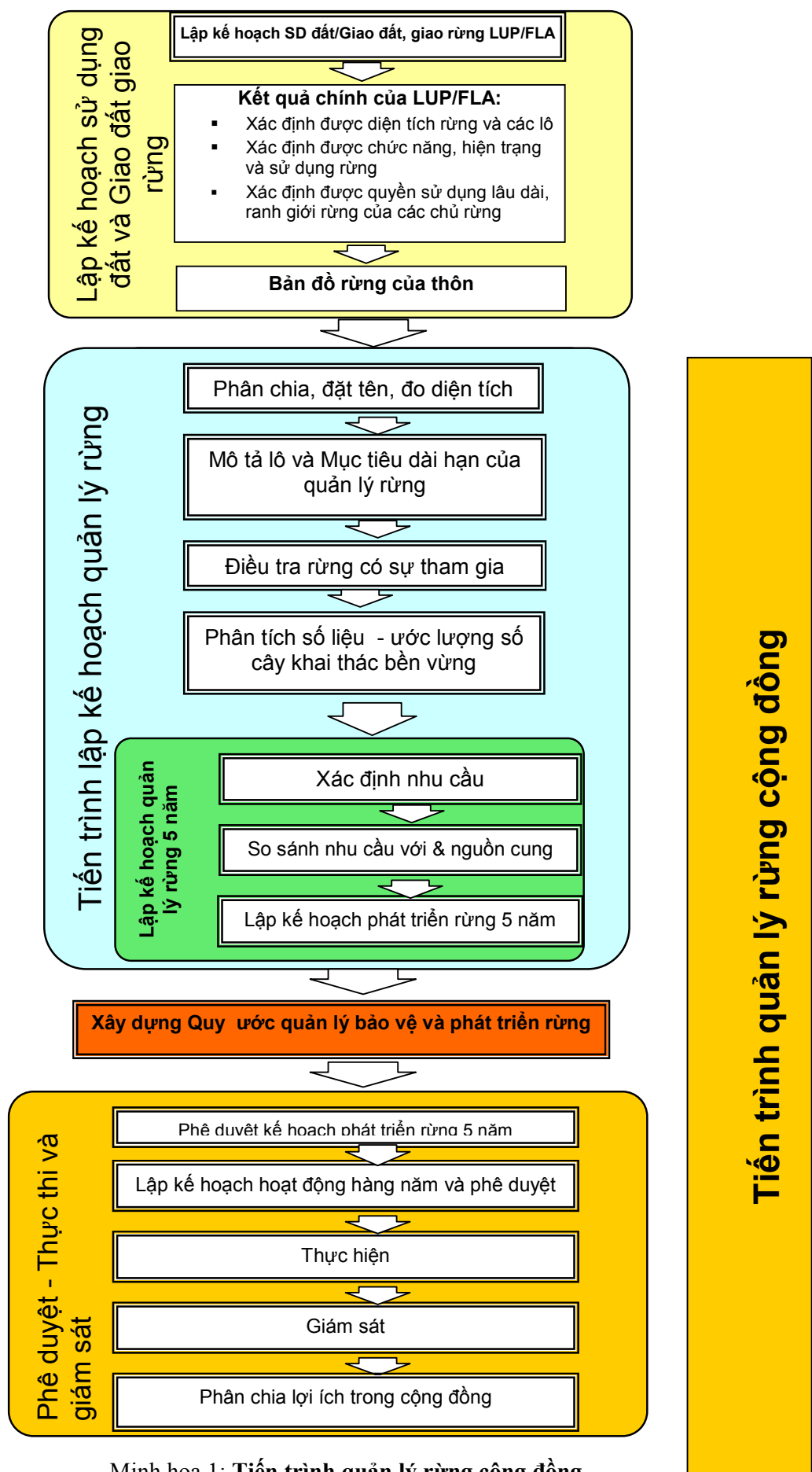
Phần IV – Xây dựng Quy ước Quản lý bảo vệ và phát triển rừng: Hướng dẫn theo trình tự các bước xây dựng quy ước, cũng như nội dung và phương pháp tiếp cận để phát triển quy ước với cộng đồng, phê duyệt, phổ biến quy ước và tổ chức thực hiện, giám sát. Một số bảng mẫu được liên kết trong phần VI

Phần V – Phê duyệt kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát quản lý rừng cộng đồng: Trình bày tiến trình trình duyệt và thực hiện kế hoạch CFM và cơ chế giám sát, phân chia lợi ích trong cộng đồng. Các bảng mẫu kế hoạch trình duyệt, mẫu biểu trợ giúp được liên kết với phần VI.

Phần VI – Mẫu biểu bảng: Bao gồm các công cụ, bảng biểu hỗ trợ cho tiến trình xây dựng quy ước, lập và thực hiện kế hoạch CFM.

Tài liệu hướng dẫn đi theo từng bước của tiến trình CFM trình bày trong sơ đồ dưới đây. Trong đó CFM dựa trên kết quả đã có của quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng, tiến hành các giai đoạn chính:

- i) Lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng:
 - Đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia
 - Lập kế hoạch phát triển rừng
- ii) Xây dựng và thực hiện quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.
- iii) Phê duyệt kế hoạch phát triển rừng 5 năm và hàng năm; tổ chức thực thi kế hoạch, giám sát, đánh giá và phân chia lợi ích từ rừng.



Minh họa 1: Tiến trình quản lý rừng cộng đồng

Phần II: Nguyên tắc quản lý rừng cộng đồng

2.1. Quản lý rừng cộng đồng phải phù hợp với chính sách và luật pháp nhà nước

Những văn bản luật sau là quan trọng đối với việc xây dựng các quy ước bảo vệ và phát triển rừng và tổ chức lập kế hoạch và thực hiện CFM:

- ♦ Quyết định 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.
- ♦ Thông tư số 56/1999/TT/BNN-KI, ngày 30/03/1999 về việc hướng dẫn xây dựng quy ước phát triển và bảo vệ rừng ở địa phương.
- ♦ Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/1/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
- ♦ Luật đất đai 2003.
- ♦ Nghị định số 139/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 về xử phạt hành chính đối với quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; thay thế Nghị định số 77/1996/CP và Nghị định số 17/2002/ND-CP.
- ♦ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về thi thành Luật đất đai.
- ♦ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004.

2.2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan được áp dụng trong tiến trình CFM

2.2.1. Thu hút sự tham gia của người dân và nâng cao năng lực của cộng đồng

Thu hút sự tham gia của người dân ở cấp thôn buôn trong quá trình ra quyết định để xác định và thống nhất về quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng cũng như lập và thực hiện kế hoạch CFM, sẽ giúp cộng đồng trong việc tự tổ chức quản lý tài nguyên rừng của chính mình.

Bên cạnh đó cần chú ý để thúc đẩy sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào quá trình ra quyết định. Phụ nữ có tầm quan trọng như nam giới trong việc quản lý rừng cộng đồng, và do đó phải được coi trọng trong việc xây dựng, thực hiện, giám sát CFM.

Sự tham gia của người dân có nghĩa rằng mọi người đều được tham gia vào tất cả các hoạt động. Điều này không có nghĩa là người dân phải mình làm tất cả mọi việc. Trong quản lý rừng cộng đồng, người dân sẽ không thể lập và thực hiện kế hoạch quản lý rừng của mình mà không có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật. Mặt khác, chỉ riêng cán bộ kỹ thuật cũng không thể lập kế hoạch quản lý được – họ không biết rõ về tình hình địa phương, diện tích rừng của thôn buôn và cũng không biết về nhu cầu và những dự định mong muốn của người dân. Do đó, cả hai đối tượng cộng đồng và cán bộ kỹ thuật đều quan trọng trong quá trình này. Họ đều cần liên quan và tham gia cùng nhau.

Thông qua quá trình quản lý rừng cộng đồng, các kiến thức kinh nghiệm quản lý tài nguyên địa phương được kết hợp với các kỹ thuật lâm nghiệp đơn giản phù hợp sẽ giúp nâng cao năng lực cộng đồng về quản lý tài nguyên rừng. Điều này được xem như là điều kiện tiên quyết cho việc xây dựng, thực thi thành công quản lý rừng cộng đồng ở các địa phương đã được giao đất giao rừng cho cộng đồng.

2.2.2. Vai trò của cán bộ kỹ thuật

Vai trò của cán bộ kỹ thuật là thúc đẩy hỗ trợ cộng đồng trong suốt quá trình quản lý rừng cộng đồng từ việc lập quy ước, kế hoạch cho đến tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá. Đồng thời cung cấp cho cộng đồng các thông tin cần thiết về chính sách, luật pháp mới, hướng dẫn các kỹ thuật lâm sinh cần thiết.

Nhiệm vụ của cán bộ kỹ thuật là thiết lập được một phương thức giao tiếp để tạo ra sự tin tưởng lẫn nhau, tăng cường chia sẻ thông tin, học hỏi kinh nghiệm và hợp tác giữa các thành viên trong cộng đồng và với người bên ngoài. Do vậy người thúc đẩy, cần được trang bị về các nguyên tắc đào tạo người lớn tuổi, phương pháp tiếp cận có sự tham gia, kỹ năng thúc đẩy trong phát triển nông thôn.

2.2.3. Vai trò của thành viên trong cộng đồng

Cộng đồng cần được xem là người có vai trò chủ động và ra quyết định trong tiến trình CFM, trong đó từng nhóm thành viên trong cộng đồng có các vai trò cụ thể:

Ban tự quản thôn, Hội Phụ nữ, Hội già Làng là những người có trách nhiệm tổ chức và điều hành cuộc họp để ra các quyết định cho tiến trình quản lý rừng của cộng đồng. Họ cũng là người tổ chức và giám sát việc thực thi kế hoạch CFM ở thôn buôn mình

Đại diện các hộ gia đình, các thành viên cộng đồng tham gia bình đẳng vào các cuộc thảo luận, họp, đánh giá tài nguyên rừng và quá trình ra quyết định về quy ước và lập và thực hiện kế hoạch quản lý rừng thôn buôn. Trong đó cần lưu ý thu hút sự tham gia của phụ nữ, vì phụ nữ vùng gần rừng là người tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng khá nhiều, nên sự đóng góp của họ là cần thiết cho tiến trình CFM được diễn ra có hiệu quả.

2.3. Nguyên tắc áp dụng các phương pháp kỹ thuật trong CFM

2.3.1 Áp dụng phương pháp linh hoạt

Các cộng đồng ở các thôn buôn khác nhau cũng có nhiều khác nhau về năng lực quản lý, trình độ học vấn, kinh nghiệm tiếp cận quản lý tài nguyên thiên nhiên. Do vậy các công cụ, phương pháp áp dụng với cộng đồng cũng nên linh hoạt, cần sử dụng các dụng cụ, vật liệu trực quan thích hợp và thời gian áp dụng các công cụ tiếp cận và đánh giá kỹ thuật này cũng cần tính toán thích hợp ở từng trường hợp cụ thể để có thể đạt được kết quả.

2.3.2 Phương pháp và công cụ đơn giản

Trong bối cảnh phát triển lâm nghiệp cộng đồng ở Việt Nam, phương pháp đánh giá và phân tích tài nguyên rừng phải phù hợp và đơn giản để cộng đồng có thể tham gia. Cán bộ kỹ thuật có thể tính toán trước các mô hình bằng công cụ phương pháp phức tạp nhưng cần biến nó thành các công cụ đơn giản dễ hiểu. Không sử dụng phương pháp điều tra quá phức tạp để có dữ liệu mà người dân khó có thể hiểu được. Nếu người sử dụng rừng không được tham gia đầy đủ trong việc đánh giá và phân tích tài nguyên rừng, họ sẽ không có trách nhiệm về kết quả và vì vậy không sẵn lòng thực hiện theo một kế hoạch quản lý được xây dựng từ những dữ liệu đó.

2.3.3 Tính liên quan phù hợp

Tiến trình quản lý rừng cộng đồng cần dựa vào năng lực quản lý của người dân nông thôn và yêu cầu tối thiểu trong quản lý giám sát tài nguyên rừng. Do đó ngoài tính đơn giản nó còn đòi hỏi chỉ nên thu thập và phân tích các thông tin dữ liệu cụ thể, cần thiết để bảo đảm cho một kế hoạch có thể thực hiện và giám sát được bởi người dân. Không quá tham vọng quản lý quá nhiều thông tin dữ liệu phức tạp trong khi đó cộng đồng không thể tiếp cận được.

2.3.4 Hiệu quả chi phí

Ít tốn kém thời gian và nhân lực của cộng đồng và các bên liên quan là một nguyên tắc quan trọng trong quản lý rừng cộng đồng. Vì có như vậy nó mới được triển khai lâu dài và thường xuyên ở các cộng đồng nghèo, thiếu nguồn lực. Các nguyên tắc đơn giản, phù hợp sẽ hỗ trợ cho điều này. Ngoài ra các hoạt động liên quan đến điều tra rừng thường mất nhiều nguồn lực vì rừng thường ở xa và phân bố nơi địa hình phức tạp, do đó giải pháp điều tra, đánh giá, tác nghiệp trong rừng cần được cụ thể, tiến hành ở mức tối thiểu để bảo đảm một độ tin cậy có thể sử dụng được trong lập, thực hiện và giám sát kế hoạch quản lý rừng.

2.4. CFM là một tiến trình học tập của các bên liên quan

Quản lý rừng cộng đồng là một hoạt động mới ở Việt Nam, các phương pháp luận cũng đang từng bước được xây dựng; do đó không có một khuôn mẫu cứng nhắc nào cho tiến trình này. Một tiến trình cùng nhau học tập là cần thiết để rút ra kinh nghiệm nhằm cải tiến, bổ sung để hoạt động CFM càng có hiệu quả hơn trong điều kiện của Việt Nam.

Ngoài ra quản lý tài nguyên thiên nhiên cần dựa vào cộng đồng, vì cộng đồng là người có kinh nghiệm nhiều nhất về tài nguyên rừng nơi họ sinh sống. Các bên liên quan cùng cộng đồng hợp tác học hỏi kinh nghiệm từ hiện trường là một nguyên tắc quan trọng để góp phần phát triển giải pháp quản lý rừng thích hợp và có hiệu quả.

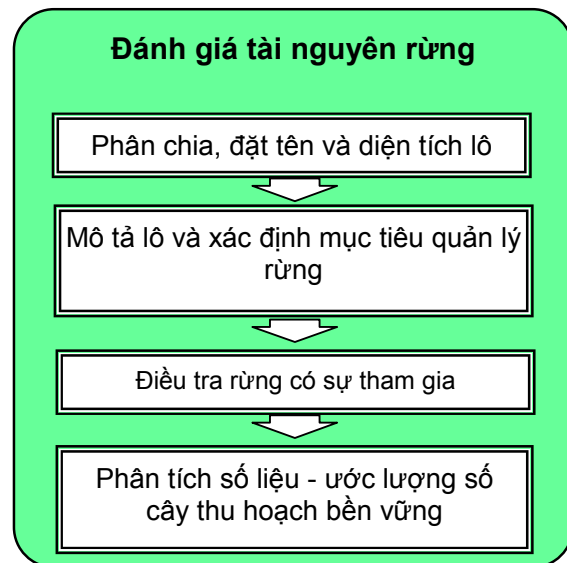
Phần III: Lập kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng

Tiến trình lập kế hoạch quản lý rừng có thể được chia làm hai phần chính, phần thứ nhất là **đánh giá tài nguyên** rừng có sự tham gia, phần thứ hai là xây dựng **kế hoạch** quản lý rừng 5 năm.

3.1. Đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia của người dân

Mục tiêu

Tài nguyên rừng cộng đồng được thẩm định, đánh giá theo phương pháp đơn giản làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu quản lý và khả năng cung cấp sản phẩm gỗ củi lâu dài của từng lô rừng.



Minh họa 2: Các bước trong điều tra tài nguyên rừng

Bước 1: Phân chia, đặt tên và đo đếm diện tích các lô rừng

Việc phân chia lô rừng là bước đầu tiên để bắt đầu cho việc điều tra rừng cũng như làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng trong một định kỳ 5 năm được thuận tiện. Việc phân chia lô có ý nghĩa quan trọng trong quản lý rừng cộng đồng, từ đây cộng đồng bắt đầu thiết lập các lô rừng theo mục tiêu quản lý khác nhau, nhận biết vị trí, quy mô của các lô rừng trong thôn bản.

Kết quả cần đạt được	➤ Rừng của thôn được phân chia thành các lô riêng biệt theo mục tiêu quản lý của cộng đồng ➤ Các lô được đặt tên theo địa phương và xác định diện tích của mỗi lô
Vật liệu	➤ Bản đồ hiện trạng rừng của thôn buôn tỷ lệ 1:10,000 ➤ Máy GPS để kiểm tra đường ranh giới giữa các lô rừng (Lúc này bản đồ cần phải có hệ thống tọa độ toàn cầu UTM) ➤ Giấy bóng kính (đủ để che phủ bản đồ) có kẹp ghim. ➤ Bút viết bảng dùng để viết trên giấy bóng kính và bút lông dầu để vẽ bản đồ. ➤ La bàn để định hướng bản đồ. ➤ Giấy bóng kính kẻ ô vuông 1x1 cm để đếm diện tích
Tham gia	➤ Nhóm các nông dân nông cốt, ban tự quản, ban quản lý rừng cộng đồng (Khoảng 7 người) ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã. (Khoảng 2

người)

- Kiểm lâm huyện, cán bộ lâm nghiệp (2 người)

Phương pháp tiến hành

- Giới thiệu bản đồ hiện trạng rừng và các đặc điểm kỹ thuật đơn giản của bản đồ địa hình và hiện trạng rừng cho người dân.
- Yêu cầu người dân định hướng bản đồ, để dễ dàng hơn để mọi người định hướng bản đồ cần đặt theo hướng Bắc
- Dành cho người dân thời gian để họ xem và hiểu. Sau đó giải thích và yêu cầu nông dân chỉ ra các khu vực có rừng ở trên bản đồ.
- Để giấy bóng kính lên trên bản đồ và dùng ghim để giữ tạm trên một mặt phẳng. Sử dụng bút viết bằng xoá được vẽ các đường giao thông, sông suối và ranh giới lô rừng. Khuyến khích họ vẽ và chỉ họ rằng nếu vẽ sai vẫn có thể xoá được.
- Tiêu chuẩn để phân chia lô rừng là: Cùng một trạng thái rừng, cùng mục đích quản lý, nằm trong một khu vực nhỏ. Nên tận dụng những ranh giới tự nhiên như sông suối, cầu, đồi núi, v.v. để làm ranh giới lô rừng
- Khi bản đồ hoàn thành về các đường vẽ, ranh giới các lô rừng; yêu cầu người dân thảo luận để đặt tên của từng lô lên trên bản đồ. Khuyến khích sử dụng tên địa danh quen thuộc với người dân.
- Đo diện tích mỗi lô: Giải thích với người dân là họ cần phải biết tương đối chính xác diện tích của từng lô là bao nhiêu vì thế mới dễ dàng có thể tính được bao nhiêu cây trên từng lô. Hướng dẫn người dân cách ước tính diện tích bằng cách vẽ các ô vuông lên trên giấy bóng kính. Nếu bản đồ có tỷ lệ là 1:10,000 thì một ô vuông 1 x 1 cm tương ứng với 1 ha. Viết số diện tích của từng lô lên bản đồ.



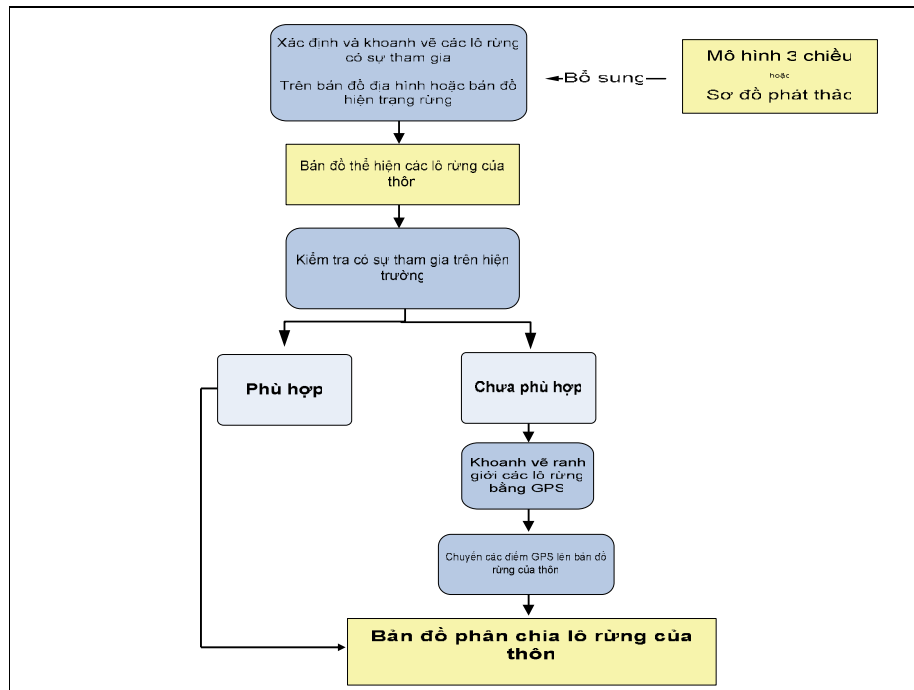
Minh hoạ 3: Xác định các lô rừng trên bản đồ địa hình

- Cuối cùng vẽ lên tất cả các đường biểu hiện địa hình, sông suối, đường xá, lô rừng với bút không xoá được.
- Xác minh ranh giới lô rừng ở thực địa với người dân: Sử dụng la bàn để định hướng trong rừng. Ngoài ra có thể sử dụng máy định vị GPS (nếu có), để xác định chính xác các điểm ranh giới trên thực

địa. Những điểm được xác định bởi máy GPS được chuyển tải thủ công qua bản đồ UTM.

Thời gian, địa điểm

- Làm việc nhóm ở tại thôn ½ buổi
- ½ - 1 ngày để đi xác minh trên thực địa, tùy thuộc vào diện tích và địa điểm của mỗi lô.



Minh hoạ 4: Các bước phân chia lô rừng

Bước 2: Mô tả lô rừng và xác định mục tiêu quản lý rừng

Mỗi lô rừng sau khi đã được phân chia trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000, có ranh giới, diện tích cụ thể; cần được mô tả để làm rõ các đặc điểm tài nguyên rừng, địa hình của từng lô, thảo luận về định hướng quản lý, kinh doanh lô rừng đó, cũng như các thuận lợi và khó khăn mà cộng đồng đang gặp phải trong tiến trình quản lý lô rừng.

Ngoài ra việc mô tả lô rừng và xác định mục tiêu còn làm cơ sở cho việc tổ chức điều tra rừng và lập kế hoạch quản lý rừng:

- i. Để giảm thiểu công tác điều tra rừng, chỉ các lô được cộng đồng thống nhất đưa vào sử dụng, kinh doanh trong 5 năm đến mới được điều tra; và các lô rừng với mục tiêu phòng hộ và sử dụng đặc biệt trong cộng đồng sẽ không đưa vào điều tra rừng, chúng sẽ được đưa vào lập kế hoạch bảo vệ. Do vậy cần làm công tác mô tả và xác định mục tiêu quản lý lô rừng cụ thể để có kế hoạch tổ chức thăm định rừng thích hợp, ít tốn kém.
- ii. Nhóm điều tra rừng rõ ràng về địa hình, đường đi đến lô rừng để thiết kế các tuyến điều tra rừng hợp lý ở bước tiếp theo.

Mục tiêu quản lý lô rừng sẽ được thẩm định lần cuối sau khi đã có số liệu điều tra rừng ở bước sau.

Kết quả cần đạt được	➤ Mỗi lô rừng được mô tả để phản ánh tình hình lô rừng (dựa trên hiểu biết của người dân) ➤ Xác định mục tiêu quản lý cho mỗi lô rừng (có thể được điều chỉnh sau khi đã đánh giá tài nguyên rừng)
Vật liệu	➤ Mẫu mô tả lô rừng (<i>Mẫu 1 trong phần VI</i>) ➤ Mẫu ghi mục tiêu lô và các vấn đề, cơ hội (<i>Mẫu 2 trong phần VI</i>) ➤ Văn phòng phẩm
Tham gia	➤ Nhóm các nông dân nông cốt, ban tự quản, ban quản lý rừng cộng đồng (Khoảng 7 người) ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã. (Khoảng 2 người) ➤ Kiểm lâm huyện, cán bộ lâm nghiệp (2 người)
Phương pháp tiến hành	➤ Tạo thành các nhóm: Mỗi nhóm 3-4 nông dân và 1-2 cán bộ kỹ thuật ➤ Sử dụng mẫu biểu 1 để mô tả rừng lô rừng cùng với người dân ➤ Sử dụng mẫu biểu 2 để thảo luận xác định mục tiêu quản lý của lô rừng và các vấn đề và cơ hội của lô rừng đó. ➤ Sử dụng hướng dẫn theo sơ đồ để thảo luận mục tiêu quản lý lô rừng với người dân (<i>Mẫu 3 trong phần VI</i>)
Thời gian, địa điểm	➤ ½ ngày tại thôn

Mô tả lô rừng và xác định mục tiêu quản lý lô rừng đó là bước đầu phân tích tài nguyên và nhu cầu quản lý tài nguyên rừng với cộng đồng. Do đó phương pháp tiếp cận là thu hút sự tham gia của những nông dân có kinh nghiệm về sử dụng rừng ở địa phương. Đây là cơ hội để cán bộ kỹ thuật có cái nhìn tổng quát về tình hình quản lý rừng địa phương và nhu cầu của cộng đồng trong quản lý rừng. Bước này cần làm trước và là cơ sở để tổ chức điều tra rừng có sự tham gia.

Bước 3: Điều tra rừng có người dân tham gia

Trên cơ sở mô tả và xác định mục tiêu quản lý các lô rừng, tiến hành tổ chức điều tra rừng có sự tham gia. Phương pháp điều tra rừng có sự tham gia cần được áp dụng trong đó tính đơn giản, liên quan và hiệu quả được áp dụng để giảm thiểu thời gian, nhân lực cho công việc này. Điều tra rừng có sự tham gia là bước quan trọng để học hỏi và sử dụng kiến thức bản địa trong sử dụng, quản lý cây rừng. Bước này sẽ giúp cho người dân bắt đầu tiếp cận với phương pháp thẩm định, đánh giá tài nguyên rừng và giúp cho cán bộ kỹ thuật có cơ hội học hỏi các kinh nghiệm địa phương trong sử dụng lâm sản.

Kết quả cần đạt được	➤ Thống kê được số cây thực tế theo các cấp đường kính và loài cây cho từng lô rừng để cung cấp các thông tin định lượng về tiềm năng lô rừng để lập kế hoạch và phục vụ cho việc giám sát. ➤ Người dân rõ ràng thêm về cấu trúc và thành phần chung của các lô rừng, nhờ đó có cơ sở quyết định mục tiêu quản lý rừng dài hạn cho mỗi lô.
Vật liệu, dụng cụ	➤ Giấy A4 và bút màu ➤ Bản đồ rừng của thôn buôn có giấy bóng kính trải lên có thể nhìn thấy các lô rừng ➤ Thước đo khoảng cách ➤ Thước dây màu (thước đo đường kính ngang ngực) ➤ Cuộc dây thừng, một cuộn cho một nhóm điều tra (20 m dây thừng có thắt nút ở 10 m và 2 dây thừng 10 m có thắt nút ở giữa) ➤ Phấn để đánh dấu cây ➤ 6 gậy 2 m/cây tre (có thể chọt trong rừng) ➤ La bàn, GPS (nếu có) ➤ Bản mô tả lô mẫu ➤ Phiếu lấy mẫu theo ô. (<i>Mẫu 4 trong phần VI</i>)
Tham gia	➤ Nhóm các nông dân nông cốt (đặc biệt là những người biết rõ về rừng), ban tự quản thôn, ban quản lý rừng cộng đồng ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã ban lâm nghiệp xã ➤ Khuyến lâm huyện, phòng nông nghiệp huyện, cán bộ lâm nghiệp
Phương pháp tiến hành	➤ Lựa chọn lô rừng điều tra: Các lô rừng được cộng đồng quyết định đưa vào sử dụng, kinh doanh trong 5 năm đến mới đưa vào điều tra rừng. Các lô rừng phòng hộ và sử dụng đặc biệt trong cộng đồng có thể không cần điều tra, việc quản lý bảo vệ các lô rừng này sẽ được xác định trong bước lập kế hoạch hoạt động của từng lô rừng. ➤ Phân chia thành các nhóm điều tra rừng. Mỗi nhóm gồm 5 người, 4 nông dân và 1 cán bộ kỹ thuật. ➤ Sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến hệ thống, trên mỗi tuyến cách nhau 50m đặt một ô mẫu 10x30m. Cụ ly giữa các tuyến tùy theo yêu cầu số lượng ô mà quyết định trước trên bản đồ. ➤ Phân công các nhóm theo tuyến điều tra và khả năng hoàn thành công việc trong ngày. ➤ Tại mỗi vị trí đặt ô mẫu, hoàn tất phiếu điều tra ô mẫu (mẫu 4) ➤ Cần thảo luận với nông dân để xác định loài cây có thể sử dụng làm gỗ được không và các công dụng đặc biệt khác
Thời gian, địa điểm	➤ Địa điểm là các lô rừng mà cộng đồng quyết định đưa vào lập kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đến

- Thời gian dành cho việc điều tra ô mẫu ngoài thực địa phụ thuộc vào số nhóm có thể tham gia; số lượng, diện tích và địa điểm của các lô rừng. Đối với mỗi buôn thường kéo dài từ 3 đến 10 ngày, mỗi nhóm có thể lập được 7 – 10 ô trong 1 ngày làm việc.

Điều tra rừng có sự tham gia là một cách tiếp cận kỹ thuật nhằm hỗ trợ cộng đồng có thể đánh giá và giám sát tài nguyên rừng của họ và thúc đẩy việc học tập kiến thức bản địa. Vì vậy nó cần áp dụng các nguyên tắc:

- iii. **Đơn giản:** . Sử dụng thước dây vạch màu để xác định cấp kính nên có thể áp dụng cho cả người dân không biết đọc, viết. . Ô mẫu có dạng dài, kích thước nhỏ để lập ô và đo đếm
- iv. **Liên quan, hiệu quả:** Chỉ điều tra cấp kính, loài cây, công dụng của tầng cây gỗ và tái sinh. Với các dữ liệu này đủ để lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng. Không đo cao, không đo cụ thể đường kính
- v. **Học hỏi kiến thức sinh thái địa phương:** Đối với rừng tự nhiên thường xanh, nhiều loài cây cán bộ kỹ thuật rất khó định danh trong khi đó người dân địa phương lại biết rất rõ, vì vậy việc định danh loài cần có sự hợp tác và học hỏi từ người dân, tên cây được ghi bằng tiếng kinh và tiếng địa phương. Kinh nghiệm sử dụng loài cây với các mục đích khác nhau là rất phong phú với các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, điều này cần được thảo luận, học hỏi và ghi nhận trong tiến trình điều tra ô mẫu.

Hướng dẫn cho việc điều tra ô mẫu trong rừng:

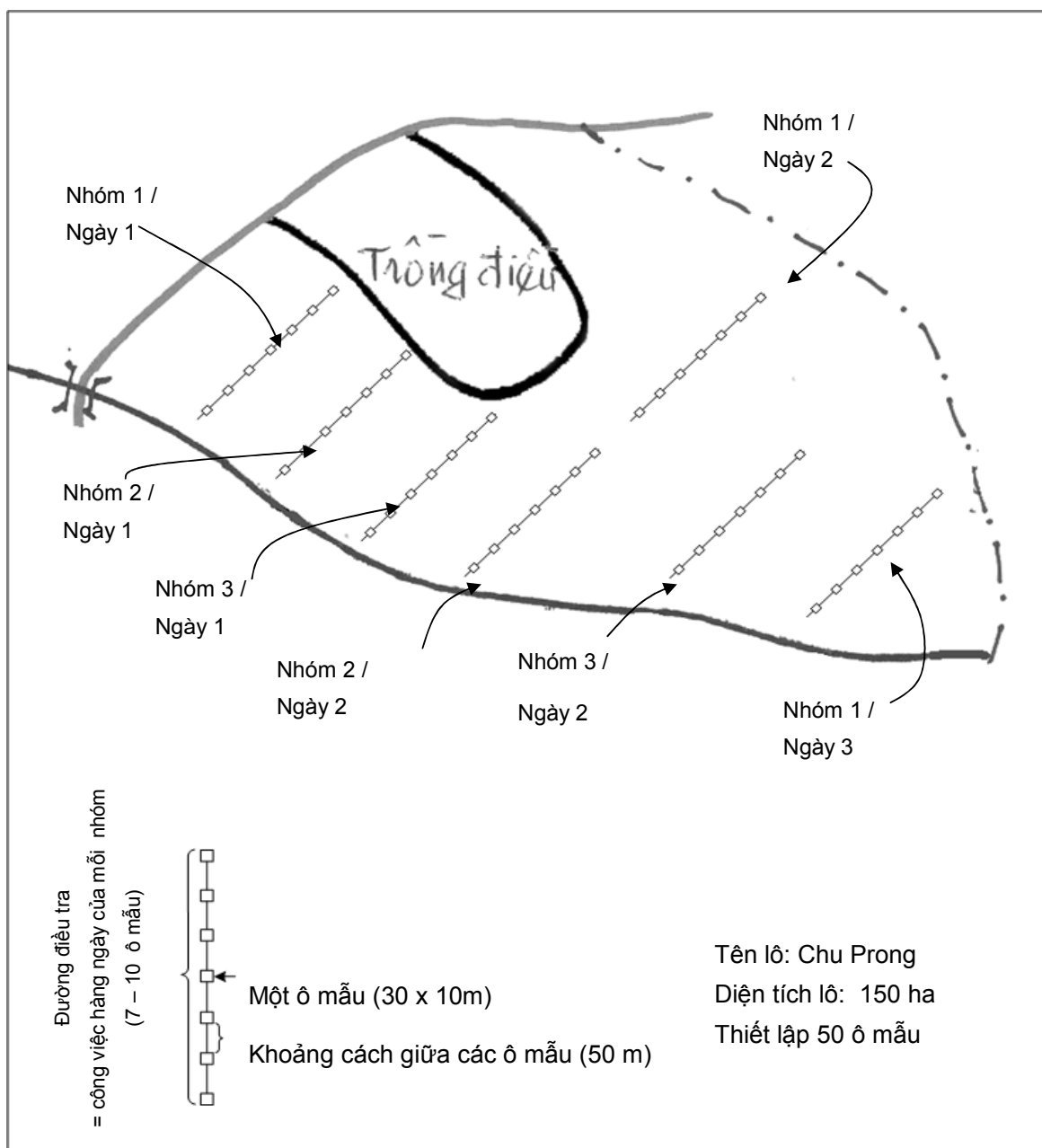
i) Xác định số lượng ô mẫu cần điều tra cho từng lô rừng:

Số lượng ô mẫu cần điều tra trong một lô rừng phụ thuộc vào các yếu tố diện tích, mức độ biến động của số cây rừng, sai số điều tra cho trước. Đối với quản lý rừng cộng đồng, tỷ lệ rút mẫu khoảng 1% diện tích. Bảng sau là gợi ý cho số lượng ô mẫu cần điều tra theo diện tích lô rừng.

Diện tích lô	Số ô mẫu (10 x 30 m)
< 4 ha	ít nhất 2
4 - 10 ha	ít nhất 5
10 - 30 ha	ít nhất 7
30 - 70 ha	ít nhất 15
70 - 120 ha	ít nhất 25
120 - 200 ha	ít nhất 40
> 200 ha	ít nhất 70

ii) Thiết lập các tuyến điều tra:

Trên cơ sở số ô mẫu đã xác định cho từng lô rừng, quyết định cụ thể các tuyến điều tra cho từng lô sao cho tiết kiệm thời gian, công sức và tổ chức phân công các nhóm hợp lý.



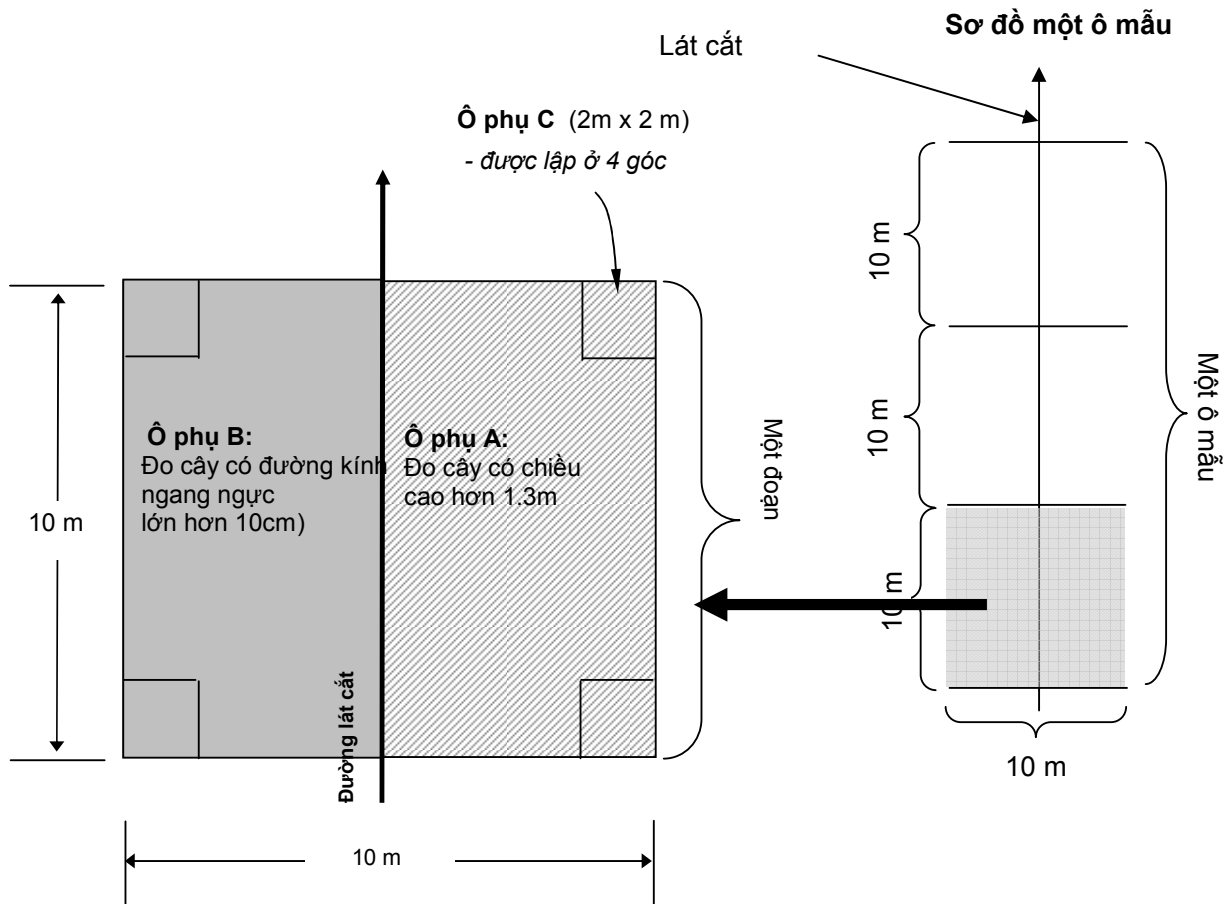
Minh hoạ 5: Sơ đồ thiết kế tuyến điều tra rừng hệ thống

iii) Lập ô mẫu và đo đếm trong ô:

Ô mẫu 10 x 30m được chia thành 3 ô nhỏ 10x10 m để tiện cho việc đo đếm. Trong ô xác định loài, khả năng cho gỗ hay không và xác định cấp kính cây rừng bằng thước đo chu vi có vạch màu. Ngoài ra để giảm số lượng đo đếm cây nhỏ, phân chia thành 2 bên trái phải của ô để đo đếm: Bên phải đo các cây có chiều cao >1.3 m trở lên, và bên trái đo cây có đường kính ngang ngực lớn hơn 10cm (cấp kính từ vạch màu đen trở lên).

Thiết lập các ô 2x2 m để điều tra cây tái sinh (cây có chiều cao > 0.2m và < 1.3m) bao gồm xác định loài, số cây; trong mỗi ô nhỏ 10x10m đặt ở 4 góc 4 ô 2x2 m đo đếm tái sinh. (Trong trường hợp cây tái sinh dày, có thể chỉ 2 ô tái sinh trong một ô nhỏ 10x10m). Tổng cộng có từ 6 – 12 ô đo đếm tái sinh 2x2m trong một ô mẫu 10x30m.

Số liệu cây gỗ và tái sinh được ghi chép đầy đủ trong mẫu biểu 4.



Minh hoạ 6: Sơ đồ ô mẫu và các chỉ tiêu điều tra theo các ô phụ và tái sinh

Thước dây màu được dùng để đo cấp kính, những màu sắc khác nhau thể hiện những cấp đường kính khác nhau như trong bảng sau. (Trường hợp cấp kính 5 cm)

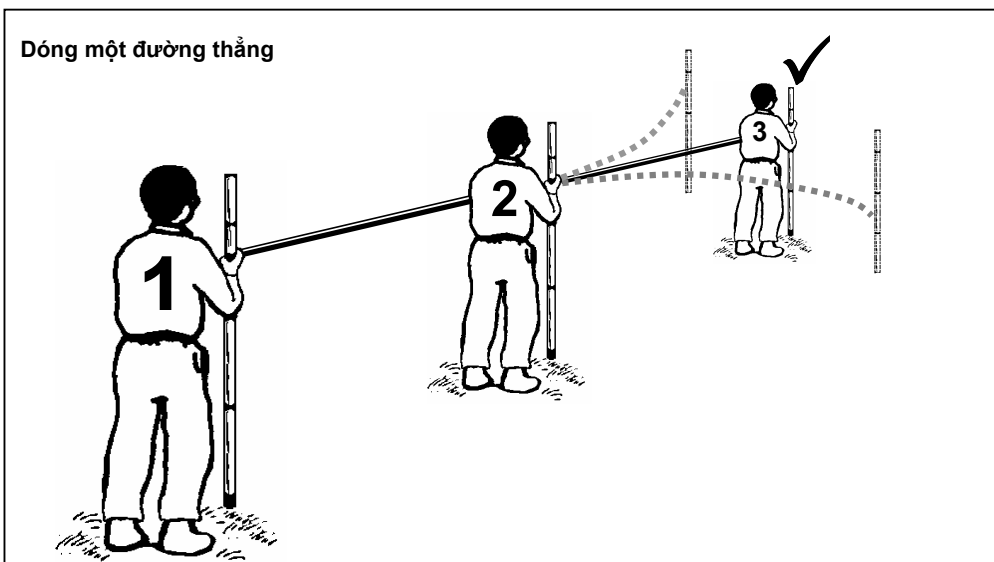
Cấp đường kính (cm)	< 5	5 – 9.9	10 – 14.9	15 – 19.9	20 – 24.9	25 – 29.9	30 – 34.9	35 – 39.9	40 – 44.9	> 45
Màu	Trắng	Vàng	Đen	Sọc	Xanh	Chấm	Đỏ	Cam	Sóng	Tím



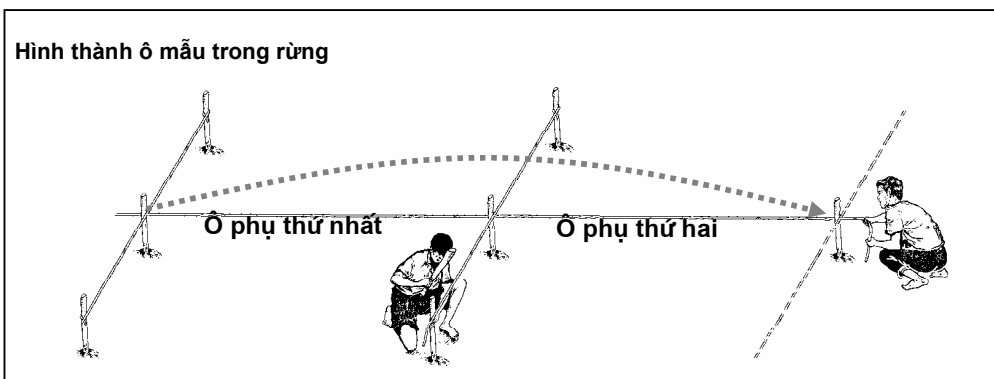
Giá trị cấp kính có thể thay đổi tùy theo tăng trưởng đường kính. Giá trị cỡ kính tốt nhất là bằng giá trị tăng trưởng đường kính trong 5 năm, để các cây ở cấp kính nhỏ có thể chuyển lên cỡ kính lớn hơn trong mô hình cấu trúc số cây theo cấp kính. Đối với rừng tự nhiên Việt Nam giá trị này biến động từ 3 – 5cm.

Minh hoạ 7: Người dân sử dụng dụng cụ đơn giản đo đếm cây rừng

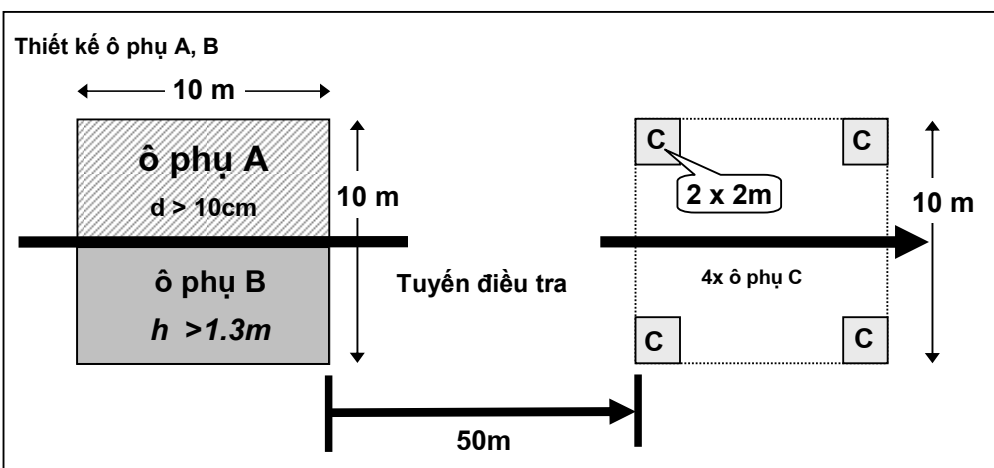
Dóng một đường thẳng



Hình thành ô mẫu trong rừng



Thiết kế ô phụ A, B



Minh hoạ 8: Điều tra đánh giá tài nguyên rừng – lập tuyến điều tra và thiết lập ô mẫu

Bước 4: Phân tích dữ liệu - Ước lượng số cây khai thác bền vững

Trên cơ sở điều tra rừng có sự tham gia, tiến hành tổng hợp số liệu tài nguyên rừng đơn giản theo lô để xác định giải pháp kỹ thuật thích hợp cho từng lô rừng. Bước này giúp cộng đồng có khả năng phân tích tài nguyên rừng hiện có của từng lô rừng và thảo luận để chọn lựa giải pháp quản lý rừng hợp lý, xác định khả năng cung cấp lâm sản và bảo đảm rừng bền vững. Trong bước này có ba vấn đề chính cần quan tâm là:

- vi. Hỗ trợ cộng đồng tổng hợp số liệu cho từng lô rừng
- vii. Có được mô hình rừng ổn định phù hợp với điều kiện sinh thái, kiểu rừng và mục tiêu quản lý của lô rừng
- viii. Thúc đẩy cộng đồng phân tích số và chất lượng rừng để bắt đầu hình thành giải pháp kỹ thuật cụ thể và xác định được khả năng cung cấp gỗ củi trong 5 năm của các lô rừng làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng.

Kết quả cần đạt được	➤ Tổng hợp và ước tính được số cây theo từng cấp kính của các lô rừng. ➤ Ước tính số lượng cây theo cấp kính có thể khai thác được theo từng lô rừng (gỗ và củi) dựa vào mô hình rừng ổn định. ➤ Đề xuất giải pháp kỹ thuật cụ thể cho từng lô rừng, kiểm tra lại mục tiêu quản lý lô rừng.
Vật liệu	➤ Phiếu tổng hợp lô rừng (<i>Mẫu 5 trong phần VI</i>) ➤ Máy tính cầm tay. ➤ Giấy Ao, ➤ Giấy bóng kính Ao, ➤ Bút màu, bút dạ quang. ➤ Thước cỡ lớn (có chia độ)
Tham gia	➤ Nhóm các nông dân nông cốt, ban tự quản thôn, ban quản lý rừng cộng đồng ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã, ban lâm nghiệp xã ➤ Cán bộ lâm nghiệp, kiểm lâm huyện.
Phương pháp tiến hành	➤ Cán bộ kỹ thuật cùng nông dân nông cốt tổng hợp số liệu các ô mẫu để tính toán số cây theo cấp kính cho từng lô rừng (<i>Mẫu 5 trong phần VI</i>). Sau đó sử dụng sơ đồ cột để vẽ số cây theo cấp kính cho từng lô rừng, mỗi lô có một sơ đồ. ➤ Cán bộ kỹ thuật vẽ sơ đồ cột số cây theo từng cấp kính của mô hình rừng ổn định (Sustainable Forest Model) được quy ra diện tích với các lô tương ứng, sơ đồ được vẽ lên giấy bóng kính trong khổ Ao. ➤ Giải thích cho nông dân rõ ràng về sơ đồ cột số cây của các lô rừng. Đây chính là tài nguyên cây gỗ của từng lô phân ra theo cấp kính đã được ước lượng. ➤ Sau đó áp sơ đồ cột số cây theo cấp kính của mô hình rừng ổn định

được vẽ trên giấy bóng kính lên sơ đồ cột của lô rừng. Từ đây giải thích cho nông dân rõ ràng khi số cây ở từng cấp kính của lô rừng cao hơn mô hình rừng ổn định thì có thể chặt bớt ở đây, ngược lại thì cần nuôi dưỡng để bảo đảm cho rừng luôn ổn định và cung cấp sản phẩm gỗ củi lâu dài.

- Tổng hợp số liệu số cây có thể chặt ở từng cấp kính cho từng lô rừng. Đó là khả năng cung cấp của lô rừng trong 5 năm.
- Tiếp tục thảo luận với nông dân để xác định số cây chặt ở các cấp kính thừa cây so với mô hình ổn định. Phần này cần được thảo luận cụ thể hơn khi so sánh nhu cầu của cộng đồng với khả năng cung cấp của các lô rừng ở bước tiếp theo.
- Trên cơ sở dữ liệu lô rừng hiện tại, thảo luận với cộng đồng để kiểm tra lại mục tiêu quản lý lô rừng.

Thời gian, địa điểm

- Tại thôn buôn
- Khoảng ½ ngày và tùy thuộc vào số lô rừng có trong thôn buôn

Hướng dẫn phân tích dữ liệu các lô rừng:

i) Các chỉ số tính toán số cây theo cấp kính cho lô rừng:

Số lượng cây được ghi trong phiếu lấy mẫu được tập hợp theo từng lô để tổng hợp cho toàn bộ diện tích của lô rừng tương ứng. Do diện tích đo trong một ô mẫu thay đổi tùy theo kích thước của cây, nên những chỉ số tính toán để quy ra lô cũng khác nhau.

Kích thước cây	Diện tích lấy mẫu trên một ô mẫu (ha)
Tái sinh tự nhiên ($0.2m < h < 1.3m$)	0.0048 ha
Cây có đường kính < 10 cm và $h > 1.3m$	0.015 ha
Cây đường kính ≥ 10 cm; và tre, lồ ô	0.030 ha

(Trong trường hợp ô mẫu có kích thước $10 \times 30m$)

Để suy ra số cây thuộc các cấp đường kính khác nhau và số tái sinh tự nhiên trong toàn bộ diện tích lô rừng, áp dụng công thức sau:

$$N_{lô} = n_{ô \text{ mẫu}} \times \frac{\text{Diện tích}_{lô}}{(n_{ô} \times \text{Diện tích}_{ô \text{ mẫu}})}$$

Trong đó:

$N_{lô}$ = Số cây ở cấp đường kính tương ứng hay số tái sinh tự nhiên trong một lô

$n_{ô \text{ mẫu}}$ = Số cây ở cấp đường kính tương ứng hay số tái sinh tự nhiên ở tất cả các ô mẫu

$\text{Diện tích}_{lô}$ = Diện tích lô rừng

$\text{Diện tích}_{ô \text{ mẫu}}$ = Diện tích lấy mẫu trên một ô mẫu theo từng kích thước cây (ở bảng trên)

$n_{ô}$ = Số ô mẫu điều tra trong một lô rừng

Kết quả tính toán được số cây theo cấp kính của lô rừng được ghi trong mẫu 5. Từ đây vẽ lên giấy Ao sơ đồ cột thể hiện số cây theo cấp kính của lô rừng.

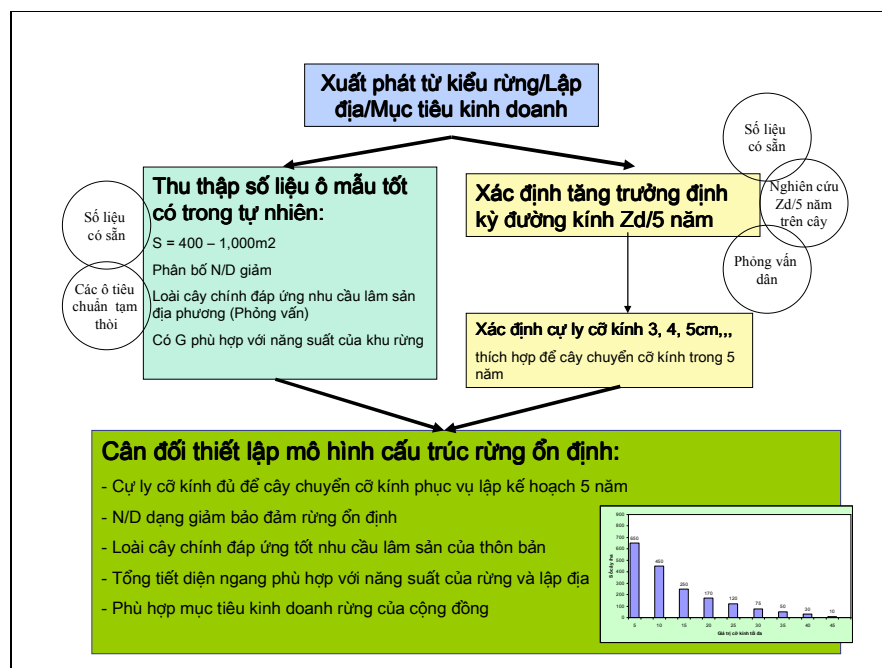
Tổng hợp số liệu số cây theo cấp kính ở các ô mẫu và quy ra lô rừng vẫn là một khó khăn với đa số người dân thôn bản, do vậy ở bước này cần có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật

ii) Mô hình rừng ổn định (Sustainable Forest Model)

Mô hình rừng ổn định cần thiết như một mô hình định hướng để so sánh với trạng thái rừng hiện nay, nhờ đó xác định được số lượng cây có thể khai thác được ở các cấp đường kính khác nhau.

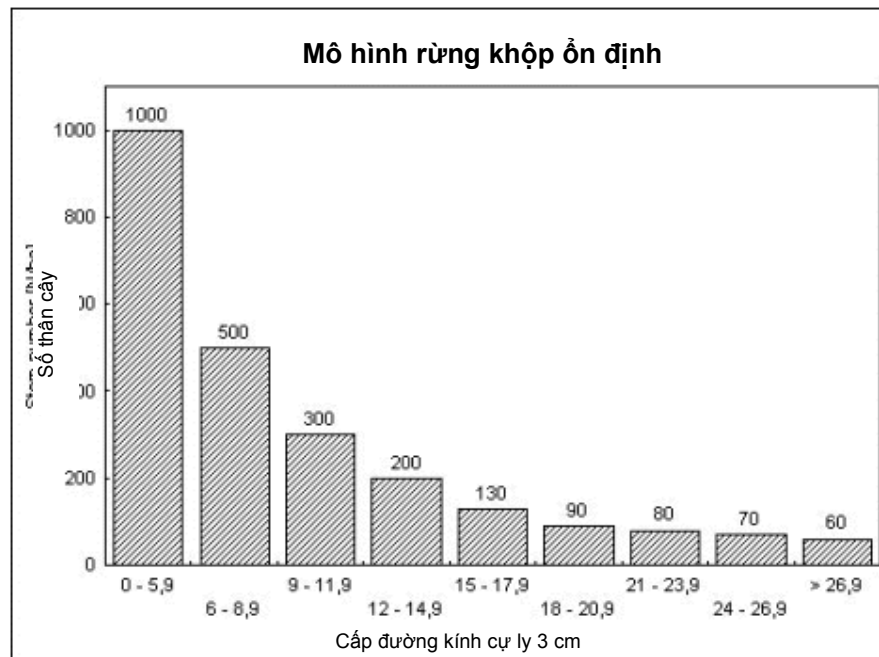
Phương pháp luận và nguyên tắc xây dựng mô hình rừng ổn định:

- Dựa vào cấu trúc số cây theo cấp kính: Đơn giản để cộng đồng có thể tiếp cận khi so sánh cung cầu, tính toán lượng chặt đồng thời bảo đảm về mặt lâm sinh là duy trì rừng ổn định để tiếp tục phát triển lâu dài
- Mô hình tạo ra sự ổn định của rừng trong một kỳ kế hoạch 5 năm trên cơ sở dựa vào tăng trưởng đường kính
- Cấu trúc rừng đạt năng suất ở mức thích hợp và ổn định trong từng vùng sinh thái, từng kiểu rừng, lập địa; chưa phải là mô hình tối ưu và có tổ thành loài phù hợp với mục tiêu quản lý rừng của từng cộng đồng dân cư.
- Cấu trúc rừng phù hợp với từng mục tiêu quản lý, kinh doanh của lô rừng

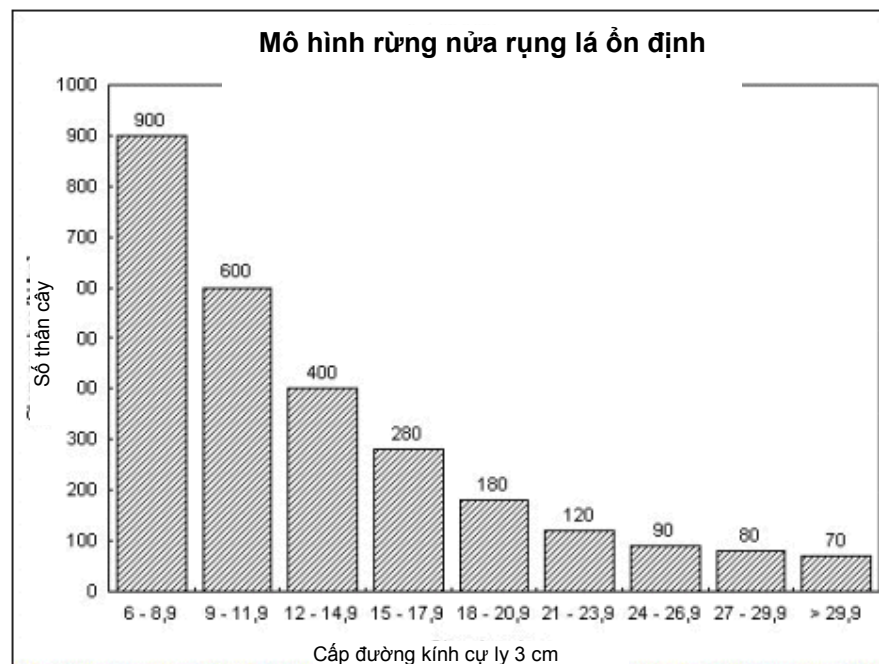


Minh hoạ 9: Sơ đồ các bước thiết lập xây dựng mô hình rừng ổn định

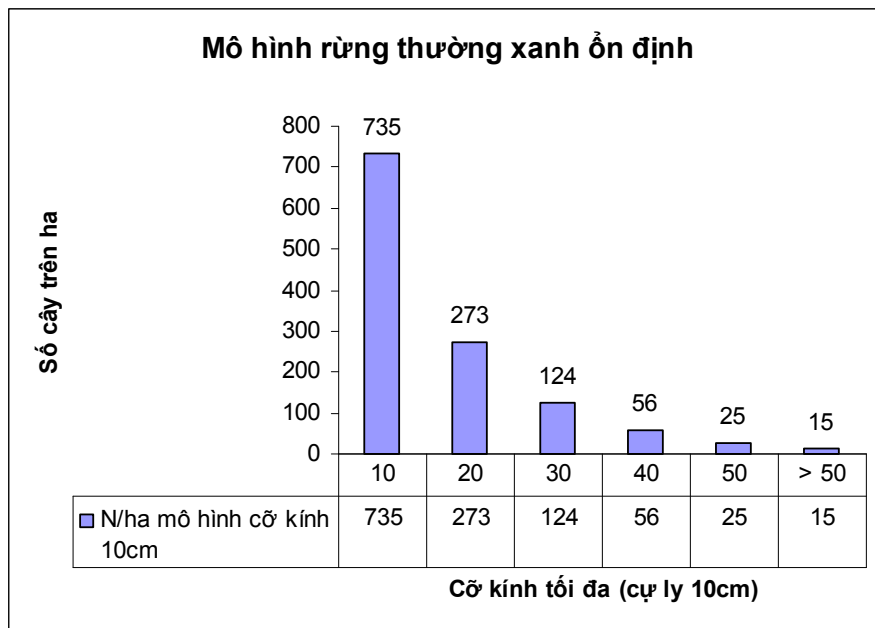
Dưới đây là một số mô hình rừng ổn định ở các kiểu rừng



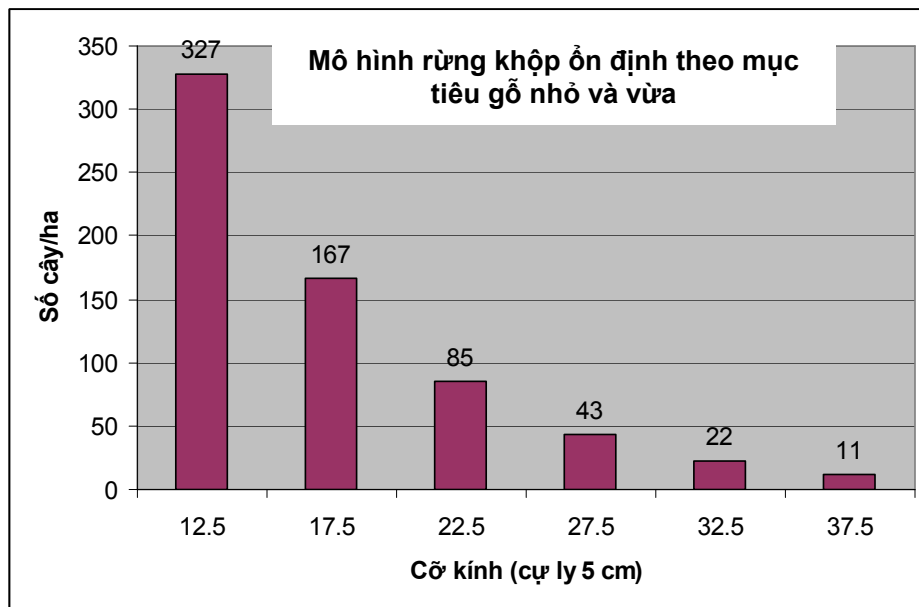
Minh hoạ 10: **Mô hình rừng ổn định cho rừng nửa rụng lá** (Nguồn: Philipp Roth (2005), Dự án RDDDL Daklak)



Minh hoạ 11: **Mô hình rừng ổn định cho rừng nửa rụng lá** (Nguồn: Philipp Roth (2005), Dự án RDDDL Daklak)



Minh hoạ 12: **Mô hình rừng ổn định cho rừng thường xanh** (Nguồn: Bảo Huy (2005). Dự án ETSP Đắk Nông)



Minh hoạ 13: **Mô hình rừng ổn định cho rừng khộp theo mục tiêu gỗ vừa và nhỏ** (Nguồn: Bảo Huy, Hồ Viết Sắc (2005), Dự án RDDDL Dak Lak)

Những mô hình rừng ổn định được trình bày trên đã được thử nghiệm ở Dak Lak và Gia Lai nhưng vẫn đang ở bước ban đầu cần được điều chỉnh và thông qua trong tương lai. Trong Hội thảo quốc gia về Quản lý rừng dựa vào cộng đồng năm 2004, việc xây dựng mô hình rừng ổn định cho 7 vùng sinh thái nông nghiệp được thống nhất xem như là một thành tựu quan trọng cho quản lý rừng cộng đồng trong tương lai gần. Một khi những nỗ lực tương

ứng chưa được triển khai thì những mô hình rừng ổn định nói trên được tham chiếu trong lập kế hoạch quản lý rừng.

Số cây trong các mô hình được tính trên một ha. Để tính số cây trong mô hình rừng ổn định của lô rừng tương ứng, chỉ cần nhân với diện tích của lô rừng.

Mô hình rừng ổn định và cự ly cấp kính điều tra rừng:

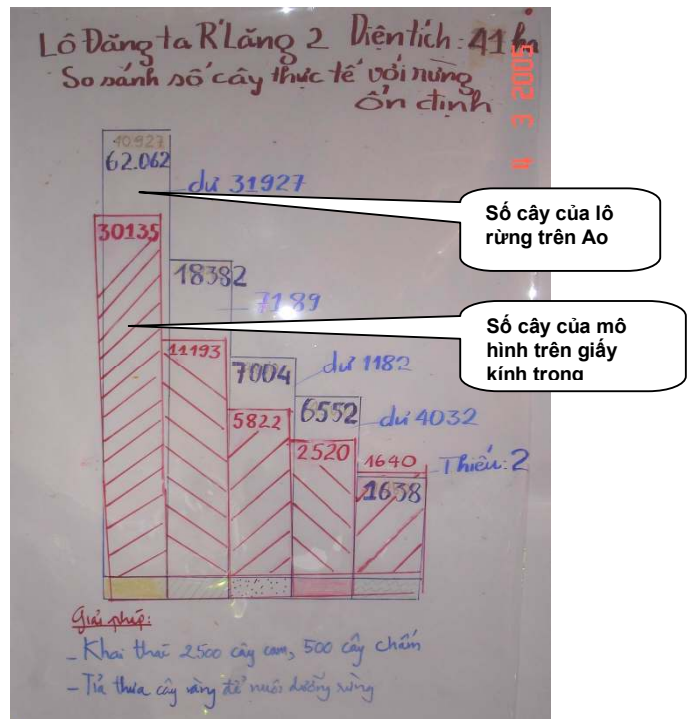
Mô hình rừng ổn định cần được xây dựng trước khi tổ chức điều tra rừng, bởi vì cần xác định cấp kính là bao nhiêu ở mô hình rừng ổn định để làm các thước màu có cấp kính tương ứng phục vụ điều tra rừng.

Cự ly cấp kính lại phụ thuộc tăng trưởng 5 năm của đường kính, kiểu rừng, lập địa, ... do đó cần xác định trước khi điều tra rừng. Ví dụ tránh trường hợp điều tra rừng cấp kính 3 cm nhưng mô hình rừng ổn định có cấp kính là 5 cm, vì vậy không thể so sánh được.

Tăng trưởng 5 năm đường kính rừng tự nhiên biến động 3-5 cm, như vậy sẽ hình thành rất nhiều cấp kính (có khi trên 15 cấp kính). Do vậy về nguyên tắc mô hình rừng ổn định cần có cự ly cấp kính bằng giá trị tăng trưởng đường kính 5 năm để bảo đảm cây chuyển cấp kính trong thời gian này, làm cơ sở để tổ chức điều tra và lập kế hoạch quản lý rừng 5 năm. Tuy nhiên với số lượng cấp kính quá nhiều sẽ mất nhiều thời gian để điều tra cũng như tổng hợp số liệu và khó khăn cho người dân khi quá nhiều vạch chỉ thị màu. Giải pháp là tiến hành lập mô hình rừng ổn định có cự ly cấp kính theo tăng trưởng 5 năm, sau đó nên gộp 2 cấp kính lân cận lại để sử dụng, ví dụ cự ly cấp kính là 3 cm thì nên gộp lại là 6cm, hoặc 5 cm thì thành 10cm; lúc này cấp kính theo thước màu cũng được làm tương ứng. Điều này sẽ mắc sai số chuyển số cây theo cấp kính trong 5 năm nhưng lại đơn giản hơn trong sử dụng với cộng đồng, tuy nhiên nó cũng được khắc phục thông qua thăm định rừng theo định kỳ ở 5 năm tiếp theo để lập kế hoạch mới.

iii) So sánh số cây thực tế của từng lô rừng với mô hình rừng ổn định. Xác định khả năng cung cấp của lô rừng

- Vẽ hai biểu đồ: i) Một biểu đồ thể hiện tổng số cây theo cấp đường kính của lô rừng; ii) Một biểu đồ thể hiện tổng số cây cho gỗ theo cấp kính của lô rừng. Đảm bảo rằng 2 biểu đồ đều có chung tỷ lệ để có thể so sánh. Cả hai biểu đồ được so sánh để thu được những thông tin về số lượng và chất lượng của một lô rừng cụ thể và khả năng cho gỗ, củi.
- Mô hình rừng ổn định được vẽ trên giấy bóng kính, với số cây được quy ra diện tích của lô so sánh.
- Từ giấy bóng kính có vẽ mô hình rừng ổn định được đặt chồng lên sơ đồ thể hiện tổng số cây theo các cấp đường kính của lô rừng. So sánh để có thể xác định các phương án quản lý lô rừng, số cây có thể chặt ở cấp kính thừa, cấp kính thiếu cây so với mô hình cần có giải pháp nuôi dưỡng.



Minh hoạ 14: So sánh biểu đồ giữa

mô hình rừng ổn định và mô hình thể hiện hiện trạng rừng

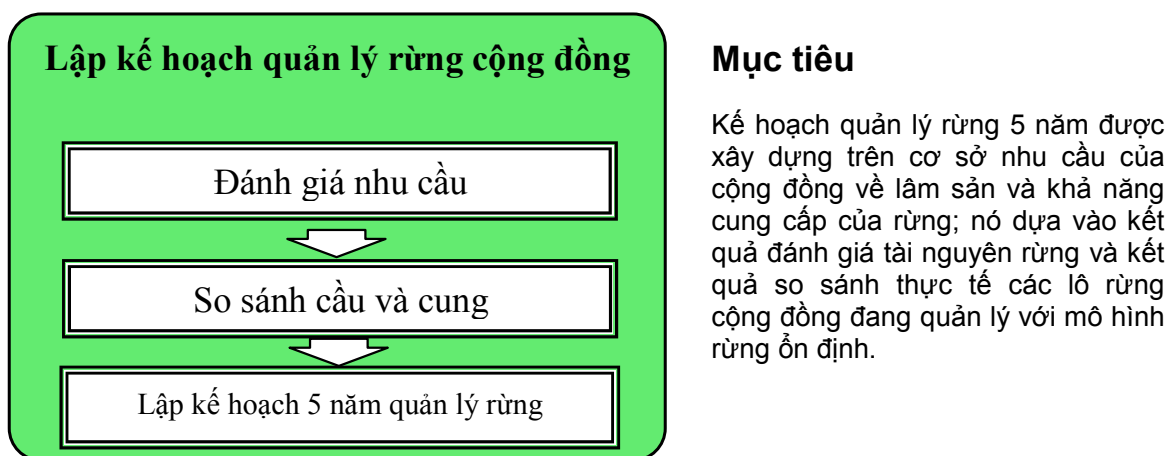
- Từ đây thảo luận với cộng đồng về giải pháp lâm sinh nên áp dụng cho lô rừng. bước này cần kết hợp để kiểm tra mục tiêu quản lý lô rừng. Đối với số cây dư ở các cấp kính có thể chặt để sử dụng hoặc bán, tuy nhiên cũng cần cân đối với số cây thiếu ở các cấp kính khác để bảo đảm rừng có đủ số cây trên một diện tích. Đối với các khu rừng còn thiếu cây ở nhiều cấp kính thì giải pháp nuôi dưỡng, bảo vệ và trồng bổ sung thông qua làm giàu rừng là cần thiết, tuy nhiên điều này phụ thuộc và nguồn lực của cộng đồng và cần được cộng đồng xác định, thống nhất để tổ chức thực hiện.

So sánh số cây của lô rừng với mô hình rừng ổn định

Việc so sánh không đơn thuần là xác định chặt bao nhiêu cây ở các cấp kính, tất nhiên đây là mục đích chính khi sử dụng mô hình rừng ổn định để xác định khả năng cung cấp của các lô rừng và luôn bảo đảm rừng bền vững; cần hiểu rằng đây là cơ hội để các bên liên quan và cộng đồng đánh giá tài nguyên của lô rừng đồng thời thảo luận để lựa chọn giải pháp quản lý sử dụng bền vững.

Có một lo lắng là nếu chỉ xác định số cây chặt khi sử dụng mô hình rừng ổn định thì sau đó cộng đồng có thể chặt hết cây tốt, loài quý và rừng sẽ dần giảm chất lượng, đa dạng sinh học. Điều này cần làm rõ là đây là bước đầu tiên để xác định khả năng cung cấp về mặt số lượng gỗ củi của lô rừng, bước thực hiện tiếp theo trong rừng sẽ được hướng dẫn thông qua một tài liệu hướng dẫn lâm sinh đơn giản; trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về chọn cây, loài khai thác, duy trì tàn che, cựa ly, tái sinh, ... các kỹ thuật này cũng dựa vào kiến thức bản địa và nhu cầu quản lý rừng của cộng đồng, bảo đảm rừng được ổn định và duy trì tính đa dạng không chỉ vì mục tiêu bảo tồn mà còn vì mục đích sử dụng rừng đa mục tiêu, đa chức năng của cộng đồng địa phương.

3.2. Lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm



Minh hoạ 15: Các bước cần thiết trong lập kế hoạch quản lý rừng 5 năm

Mỗi lô rừng được lập kế hoạch hoạt động 5 năm bao gồm các giải pháp quản lý rừng tự nhiên ở các trạng thái khác nhau và đất trống; nó được thiết lập dựa vào tình hình các lô rừng và nhu cầu, mục tiêu quản lý cũng như nguồn lực của cộng đồng. Kế hoạch của các lô rừng được tổng hợp vào trong một kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm.

Bước 5: Đánh giá nhu cầu lâm sản của cộng đồng

Quản lý rừng cộng đồng được hiểu trước hết là quản lý rừng nhằm cung cấp các lâm sản và các chức năng khác của rừng cho đời sống cộng đồng, xa hơn nữa, phương thức quản lý rừng này cần có đóng góp cho việc cải thiện sinh kế của người dân.

Trong đó một mục tiêu quan trọng của quản lý rừng cộng đồng là xây dựng kế hoạch nhằm thỏa mãn nhu cầu lâm sản của người dân đồng thời vẫn duy trì và phát triển được vốn rừng. Vì vậy cần có đánh giá nhu cầu lâm sản thực tế trong đời sống cộng đồng làm cơ sở cho việc lập kế hoạch sử dụng lâu dài.

Kết quả cần đạt được	➤ Một ma trận thể hiện các lâm sản chính mà người dân cần sử dụng và số lượng ước tính cần cho thôn buôn từng năm và 5 năm
Vật liệu	➤ Giấy Ao, bút màu
Tham gia	➤ Nhóm nông dân nông cốt, ban tự quản thôn buôn, ban quản lý rừng cộng đồng, ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã, ban lâm nghiệp xã ➤ Kiểm lâm huyện, cán bộ lâm nghiệp
Phương pháp tiến hành	➤ Tổ chức thảo luận nhóm ➤ Nông dân liệt kê công trình, hạng mục cộng đồng cần sản phẩm từ rừng ➤ Ước tính khối lượng gỗ theo cấp kính cần cho mỗi công trình. ➤ Đối với mỗi công trình/sản phẩm ước tính số lượng cây theo cấp kính cần trong một năm của thôn, trên cơ sở số lượng công trình/sản phẩm cần cho hộ gia đình trong năm. ➤ Ước tính tổng nhu cầu về lâm sản của toàn thôn buôn trong từng năm và 5 năm.
Thời gian, địa điểm	➤ Tại thôn buôn ➤ Khoảng 1 giờ

Ma trận phân tích nhu cầu lâm sản của cộng đồng hàng năm và 5 năm

Loại nhu cầu từ lâm sản	Số cây theo cấp kính cho một công trình	Số công trình của cả thôn / năm	Tổng số cây theo cấp kính cả năm	Tổng số cây theo cấp kính dùng trong 5 năm
 Nhà ở				

Loại nhu cầu từ lâm sản	Số cây theo cấp kính cho một công trình	Số công trình của cả thôn / năm	Tổng số cây theo cấp kính cả năm	Tổng số cây theo cấp kính dùng trong 5 năm
 Chuồng trâu bò				
 Hang rào				
 Đồ gỗ				
 Củ đun				

Minh hoạ 16: Ma trận phân tích nhu cầu lâm sản cho cộng đồng trong 5 năm

Bước 6: So sánh nhu cầu và khả năng cung cấp của các lô rừng

Khả năng cung cấp gỗ, củi của các lô rừng được xác định trong bước 4 khi so sánh thực tế tài nguyên của rừng với mô hình rừng ổn định; nhu cầu lâm sản cho đời sống của cộng đồng được phát hiện ở bước 5. Kết hợp hai bước sẽ là cơ sở để cân đối cung cầu lâm sản, từ đó cộng đồng đưa ra quyết định quản lý sử dụng rừng vừa đáp ứng được nhu cầu vừa bảo đảm duy trì vốn rừng ổn định.

Kết quả cần đạt được	➤ Cân đối được nhu cầu lâm sản của cộng đồng với khả năng cung cấp của các lô rừng ➤ Có số liệu khai thác theo cấp kính trong 5 năm trên cơ sở cân đối cung cầu
Vật liệu	➤ Mẫu biểu cân đối cung cầu lâm sản ➤ Giấy A0, thẻ màu, bút màu
Tham gia	➤ Nhóm nông dân nông cốt, ban tự quản thôn buôn, ban quản lý rừng cộng đồng, ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã, ban lâm nghiệp xã ➤ Kiểm lâm huyện, cán bộ lâm nghiệp
Phương pháp	➤ Tổ chức thảo luận nhóm, sử dụng mẫu 6 (<u>Mẫu 6 trong phần VI</u>)

tiến hành	➤ Tổng hợp nhu cầu lâm sản của thôn buôn ở bước trước, liệt kê theo cấp kính ➤ Liệt kê số cây có khả năng cung cấp của các lô rừng theo cấp kính trên cơ sở bước trước (So sánh thực tế lô rừng với mô hình rừng ổn định) ➤ Thảo luận để cân đối cung cầu lâm sản trong 5 năm làm cơ sở cho việc lập kế hoạch
Thời gian, địa điểm	➤ Tại thôn buôn ➤ Khoảng 1 giờ

Cân đối cung cầu lâm sản

Tùy theo trạng thái rừng ở mỗi địa phương mà khả năng cung cấp của rừng sẽ khác nhau
Tùy theo tình hình kinh tế xã hội và mức độ phụ thuộc vào rừng của cộng đồng mà nhu cầu lâm sản cũng khác nhau

Cân đối cung cầu lâm sản không có nghĩa là cung cấp nhu cầu lâm sản của cộng đồng bằng mọi giá, mà đây là cơ hội để cộng đồng thẩm định tài nguyên rừng của mình và đưa quyết định sử dụng rừng hợp lý và có kế hoạch.

Cân đối cung cầu lâm sản trước hết nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của hộ gia đình/ cộng đồng, sau đó mới xem xét khả năng bán ra thị trường để tạo thu nhập khi nguồn tài nguyên rừng có khả năng cung cấp lớn hơn nhu cầu sử dụng tại chỗ.

Bước 7: Lập kế hoạch 5 năm phát triển rừng

Trên cơ sở kết quả 6 bước nói trên, tiến hành lập kế hoạch hoạt động 5 năm cho các lô rừng cụ thể và tổng hợp thành kế hoạch phát triển rừng 5 năm của thôn bản.

Tới đây các hoạt động quản lý kinh doanh rừng và bảo vệ rừng được thiết lập dựa vào kết quả phân tích cung cầu lâm sản, tình hình các lô rừng, mục tiêu quản lý và nguồn lực của cộng đồng. Các hoạt động của lô rừng không chỉ là khai thác sử dụng sản phẩm gỗ củi mà còn là các biện pháp phát triển rừng, bao gồm:

i. Đối với các lô có rừng tự nhiên:

- Chặt chọn để cung cấp lâm sản cho sử dụng và nếu có thể thì bán ra thị trường. Sau đó chăm sóc, nuôi dưỡng rừng.
- Làm giàu rừng ở các lô rừng nghèo, non
- Phát triển lâm sản ngoài gỗ

ii. Đối với các lô là đất trống:

- Cải tạo rừng, trồng rừng hoặc áp dụng phương thức nông lâm kết hợp
- Tỉa cành, tỉa thưa
- Khai thác
- Trồng lại rừng

Tuy nhiên không phải tất cả giải pháp nêu trên đều phải được lựa chọn và thực hiện, nó cần được thảo luận và quyết định bởi cộng đồng, dựa trên mong đợi và nguồn lực của chính họ

Kết quả cần đạt được	➤ Kế hoạch hoạt động 5 năm của từng lô rừng. ➤ Kế hoạch 5 năm quản lý rừng của thôn buôn. ➤ Mọi hoạt động sẽ được mô tả chi tiết về nội dung công việc, khối lượng, thời gian và trách nhiệm.
Vật liệu	➤ Giấy A0 và bút ➤ Mẫu kế hoạch hoạt động 5 năm của lô rừng ➤ Mẫu kế hoạch 5 năm quản lý rừng
Tham gia	➤ Nhóm nông dân nòng cốt, ban tự quản thôn buôn, ban quản lý rừng cộng đồng, ➤ Khuyến nông xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã, ban lâm nghiệp xã ➤ Kiểm lâm huyện, cán bộ lâm nghiệp ➤ Đại diện toàn bộ hộ gia đình trong thôn buôn
Phương pháp tiến hành	➤ Thảo luận nhóm với nông dân nòng cốt để xây dựng kế hoạch hoạt động 5 năm của từng lô rừng. (<i>Mẫu 7 trong phần VI</i>) ➤ Tổng hợp kế hoạch quản lý rừng 5 năm (<i>Mẫu 8 trong phần VI</i>) ➤ Tổ chức họp toàn thôn, nông dân nòng cốt trình bày kế hoạch ➤ Thúc đẩy thảo luận và thống nhất kế hoạch với cộng đồng
Thời gian, địa điểm	➤ Tại thôn buôn ➤ 1 ngày để làm việc nhóm lập kế hoạch ➤ ½ ngày họp thôn trình bày và thống nhất kế hoạch

Lồng ghép lâm sản ngoài gỗ vào các kế hoạch quản lý rừng

Cho tới nay các kế hoạch quản lý rừng mới chỉ tập trung vào xác định mức độ khai thác bền vững đối với cây lấy gỗ, củi. Điều này được lý giải là do mức độ quan trọng của cây gỗ đối với sinh thái rừng cũng như giá trị kinh tế của cây gỗ. Tuy nhiên, giá trị kinh tế của rừng còn phải kể tới một khía cạnh quan trọng là lâm sản ngoài gỗ do cộng đồng quản lý. Bên cạnh ý nghĩa kinh tế, LSNG còn là nguồn thuốc địa phương có giá trị, nguồn vật liệu xây dựng, bổ sung nguồn dinh dưỡng vv..

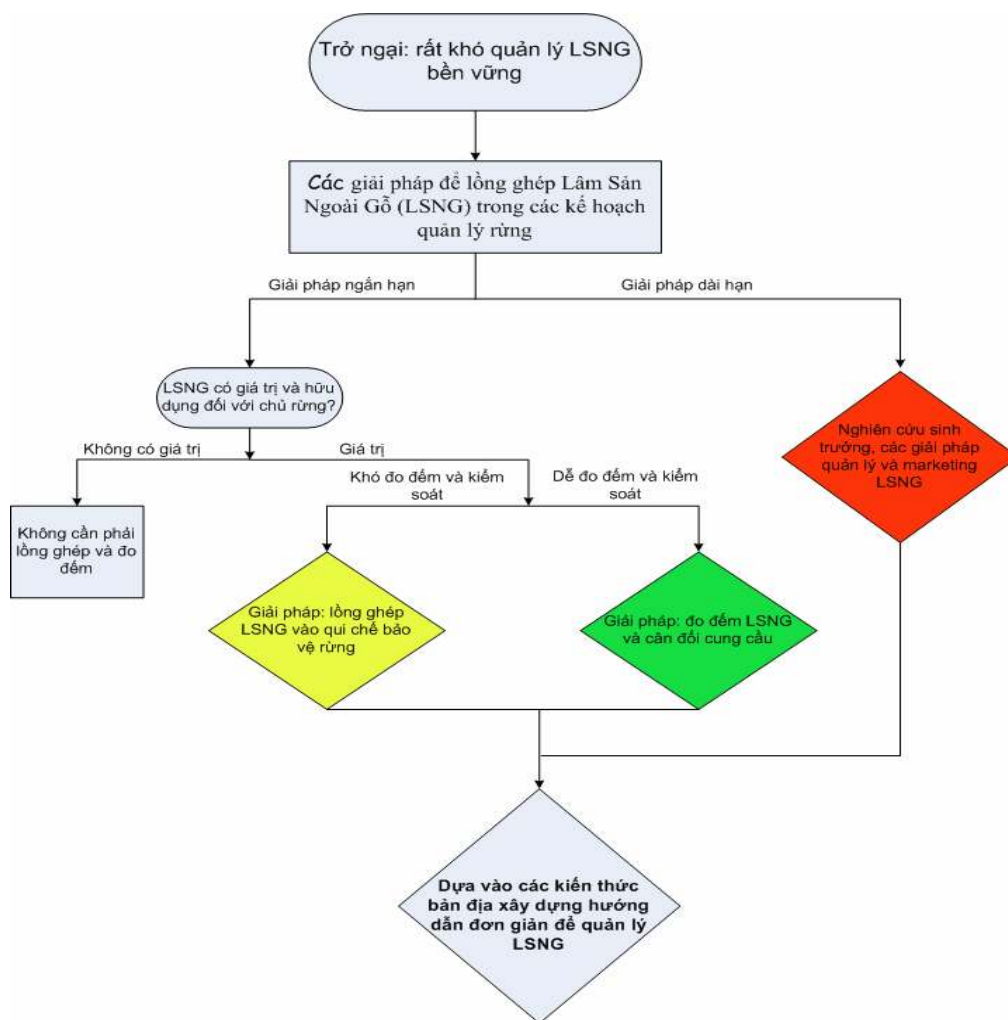
Do vậy, việc quản lý LSNG cần được coi là một khía cạnh của lập kế hoạch quản lý rừng nhưng câu hỏi đặt ra là làm thế nào giải quyết tốt nhất vấn đề này khi LSNG rất đa dạng, phong phú. Sơ đồ dưới đây đưa ra một số giải pháp ngắn hạn và dài hạn. Trong khi các giải pháp dài hạn thường liên quan tới công tác nghiên cứu để cho số liệu khoa học về sinh trưởng, năng suất, phương pháp gây trồng vv. thì các giải pháp ngắn hạn lại tập trung vào xác định các hoạt động cần làm ngay. Đối với các giải pháp ngắn hạn, nguyên tắc đầu tiên, quan trọng nhất là xem xét có nên đưa một loại LSNG nhất định vào kế hoạch quản lý rừng hay không trên cơ sở đánh giá sự mong muốn của nhóm sử dụng rừng địa phương. Nếu họ không bày tỏ bất kỳ một sự quan tâm nào tới việc quản lý một

loại LSNG nào đó thì không cần phải đưa vào kế hoạch quản lý rừng. Đây là điểm rất quan trọng cần xem xét.

Câu hỏi tiếp theo là có thể đo đếm và đánh giá các loại lâm sản ngoài gỗ một cách hiệu quả bằng các công cụ và phương pháp đơn giản không. Tính đơn giản dễ làm là rất quan trọng vì kế hoạch quản lý rừng phải được xây dựng theo phương pháp có sự tham gia để nâng cao tính sở hữu (do đó mà có sự cam kết thực hiện). Tính đơn giản lại càng quan trọng hơn vì nguồn lực và nguồn nhân lực ở địa phương nói chung là hạn chế.

Trong trường hợp không thể đánh giá được LSNG bằng những cách đơn giản, giải pháp trước mắt duy nhất là đưa việc sử dụng LSNG vào quy chế bảo vệ rừng của thôn. Việc xác định khung bồi thường đối với việc sử dụng trái phép LSNG của người ngoài là yếu tố quan trọng. Tận dụng kiến thức địa phương sẵn có để xác định các giải pháp quản lý (như thời điểm thu hoạch phù hợp vv.) là khía cạnh quan trọng trong bước này.

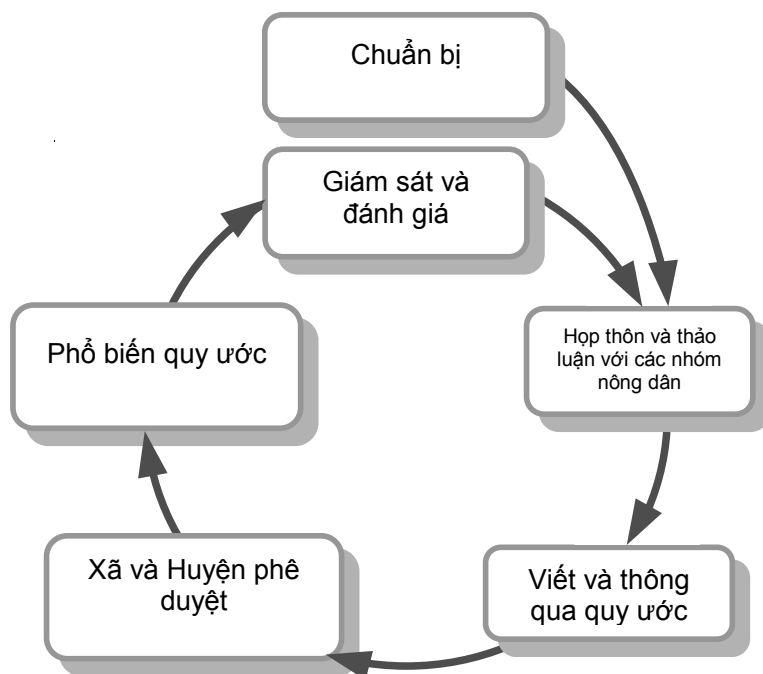
Đối với một số LSNG có thể đo đếm bằng các công cụ đơn giản, thì có thể so sánh cung cầu như làm đối với cây gỗ. Tuy nhiên, phải cân nhắc xem kết quả đạt được ý nghĩa so với thời gian và nguồn lực phải bỏ ra để thực hiện điều tra không.



Minh hoạ 17: Các giải pháp để lồng ghép LSNG trong các kế hoạch quản lý rừng

Phần IV: Xây dựng và thực hiện Quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng

Các bước của chu trình xây dựng, thực hiện, giám sát đánh giá quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng được thể hiện trong sơ đồ dưới đây. Chu trình này gồm có 6 bước.



Minh hoạ 18: **Chu trình xây dựng và thực hiện quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng**

Mục tiêu

Xây dựng một quy ước trên cơ sở luật tục truyền thống trong quản lý tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng và các quy định của pháp luật, để áp dụng đáp ứng được yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng của người dân và của chính phủ.

Việc xây dựng quy ước với các công cụ và kỹ năng thích hợp giúp cho người dân tự phân tích tài nguyên rừng, tình hình quản lý bảo vệ rừng của địa phương; từ đó tự đưa ra ý tưởng, quy định cho bản quy ước và họ sẽ là người tổ chức thực hiện quy ước đó trong quản lý rừng.

Bước 1: Chuẩn bị

Đây là bước đầu tiên của việc thiết lập quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng có sự tham gia của người dân. Vì vậy việc tìm hiểu trước tình hình cũng như chuẩn bị phương

pháp, vật liệu cần thiết cho các cuộc họp dân, làm việc theo nhóm cần được tiến hành chu đáo.

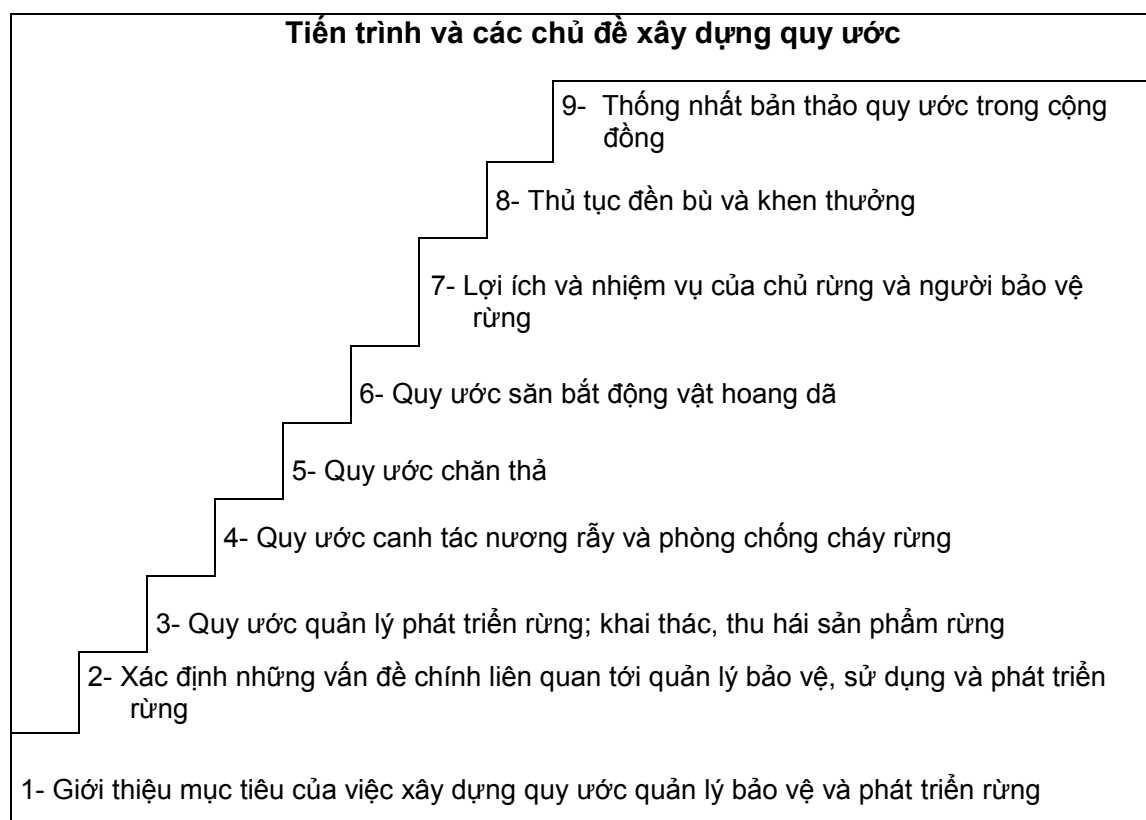
Kết quả cần đạt được	➤ Tập hợp được các bản đồ sử dụng đất thôn buôn, phương án, tài liệu giao đất giao rừng, các văn bản pháp lý của nhà nước liên quan đến lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng; kế hoạch quản lý rừng 5 năm của cộng đồng. ➤ Các dữ liệu về tài nguyên rừng và thông tin kinh tế xã hội của thôn buôn được ra soát; ➤ Có sự hiểu biết ban đầu về hiện trạng rừng thôn buôn. ➤ Ban tự quản của thôn buôn được thông báo về: • quá trình xây dựng quy ước sẽ tiến hành, phương pháp và mục tiêu; • ai nên tham gia họp; chú ý đến mời phụ nữ tham gia; • thống nhất về ngày họp đầu tiên.
Vật liệu	➤ Giấy A4, bút viết ➤ Giấy can vẽ bản đồ
Tham gia	➤ Cán bộ lâm nghiệp huyện, xã, kiểm lâm huyện
Phương pháp tiến hành	➤ Thu thập và phân tích số liệu thứ cấp ➤ Ghi chú các điểm quan trọng trong các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý rừng. ➤ Viếng thăm nông dân và hiện trường
Thời gian, địa điểm	➤ 1 ngày, tại UBND xã, thôn

Bước 2: Hợp thôn và thảo luận nhóm với nông dân để phác thảo quy ước

Đây là bước cơ bản và quan trọng nhất trong tiến trình xây dựng quy ước có sự tham gia. Các kỹ năng thúc đẩy tổ chức họp, thảo luận nhóm cần được trang bị và ứng dụng để có thể tiến hành thu hút sự tham gia tích cực của lãnh đạo thôn bản, người dân, để khai thác các truyền thống luật tục trong quản lý tài nguyên nhằm đưa vào quy ước; và điều quan trọng là các quy định, điều khoản trong quy ước được xây dựng dựa vào nhu cầu quản lý rừng, được thảo luận và quyết định bởi người dân. Người bên ngoài chỉ cung cấp các chính sách, quy định của luật pháp khi cần thiết để người dân có thể vận dụng và lồng ghép nó vào trong quy định của mình.

Kết quả cần đạt được	➤ Các thành viên cộng đồng là người thống nhất về các quy định bảo vệ và phát triển rừng của thôn buôn ➤ Ít nhất 20% người tham gia họp thôn là phụ nữ;
-----------------------------	---

	➤ Cán bộ xã và thôn buôn cùng đứng ra điều hành cuộc họp;
Vật liệu	➤ Giấy Ao, bút viết ➤ Bản đồ rừng thôn buôn
Tham gia	➤ Cán bộ lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn, lãnh đạo xã, Ban lâm nghiệp xã, trưởng thôn buôn, già làng, cán bộ hội phụ nữ, nông dân chủ chốt trong buôn
Phương pháp tiến hành	➤ Thảo luận chung để làm rõ mục tiêu xây dựng quy ước ➤ Thảo luận nhóm để xây dựng quy ước theo từng chủ đề ➤ Họp thôn để thống nhất bản thảo quy ước
Thời gian, địa điểm	➤ Tiến hành ở thôn, khoảng 3 ngày



Minh họa 19: **Các vấn đề thảo luận khi xây dựng qui ước bảo vệ và phát triển rừng**

Thảo luận với các nhóm nông dân theo từng chủ đề của quy ước	
Các chủ đề trong quy ước	Hướng dẫn thảo luận xây dựng quy ước
1. Giới thiệu mục tiêu của việc xây dựng quy ước	➤ Thảo luận chung với thôn buôn để làm rõ mục tiêu và vai trò của nông dân trong xây dựng quy ước.
2. Xác định những vấn đề chính liên quan tới quản lý bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng	➤ Liệt kê những vấn đề mà người dân muốn thảo luận liên quan đến quản lý bảo vệ và phát triển rừng của họ ➤ Nhóm các vấn đề và xếp theo thứ tự ưu tiên để lần lượt thảo luận xây dựng thành quy ước.
3. Quy ước quản lý phát triển rừng; khai thác, thu hái sản phẩm rừng	➤ Thảo luận về trách nhiệm tham gia quản lý và thực hiện kế hoạch phát triển rừng của thôn bản. Trong bước này người dân sẽ xác định và thống nhất về các quy định mà người dân cho là phù hợp để quy định việc khai thác mỗi lâm sản từ những khu vực đã xác định trước. ➤ Cần thảo luận theo từng loại lâm sản khai thác ở từng lô rừng, khu vực: Gỗ làm nhà - Lâm sản ngoài gỗ - Củi - Gỗ củi từ rừng trồng
4. Quy ước canh tác nương rẫy và phòng chống cháy rừng	➤ Nông dân thảo luận về những quy định canh tác nương rẫy: Vị trí, mùa vụ, quản lý việc đốt lửa ➤ Nông dân thảo luận và nhất trí được về cách phòng chống cháy rừng; ➤ Nông dân thống nhất về trách nhiệm cá nhân trong việc phòng chống cháy và mức bồi thường và phạt sẽ được áp dụng. ➤ Nông dân thống nhất về thành phần của nhóm phòng chống cháy rừng và các trách nhiệm của nhóm này.
5. Quy ước chăn thả	➤ Giải thích rõ ràng cho người dân về tác động tiêu cực của việc chăn thả gia súc đối với tái sinh rừng tự nhiên. ➤ Thúc đẩy nông dân thảo luận và đi đến thống nhất về quy chế nào sẽ được áp dụng đối với việc chăn thả trong từng diện tích rừng: - Khu vực nào được quy định cho chăn thả? - Các thể thức chăn thả như thế nào? ➤ Nông dân xác định được và nhất trí về các mức bồi thường và xử phạt.
6. Quy ước săn bắt động vật hoang dã	➤ Nông dân được cung cấp thông tin về các loài động vật quý hiếm cần được bảo vệ theo quy định của nhà nước ➤ Nông dân thảo luận về thực trạng động vật hoang dã trong khu vực rừng của thôn buôn mình ➤ Nông dân xác định các loài và mức độ được khai

Thảo luận với các nhóm nông dân theo từng chủ đề của quy ước	
	thác ➤ Nông dân thống nhất mức bồi thường và xử phạt sẽ áp dụng.
7. Lợi ích và nhiệm vụ của chủ rừng và người bảo vệ rừng	➤ Nông dân xác định được các lợi ích và nhiệm vụ của các chủ rừng và của nhóm bảo vệ/phòng chống cháy rừng; ➤ Nông dân xác định được mức và nguồn tài chính chi trả cho nhóm bảo vệ rừng cấp thôn buôn.
8. Thủ tục đền bù và khen thưởng	➤ Nông dân xác định được ai có thẩm quyền xử đền bù đối với người vi phạm và quyền hạn của trường buôn và ban quản lý rừng cộng đồng. ➤ Dân thống nhất về thủ tục và mức đền bù, khen thưởng; ➤ <u>Mẫu xử phạt vi phạm quy ước được trình bày trong mẫu 9 của phần VI</u>
9. Thống nhất bản thảo quy ước trong cộng đồng	➤ 8 chủ đề liên quan đến quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng được xây dựng ở trên được đem ra trình bày trước cuộc họp của toàn thôn. ➤ Lấy ý kiến để chỉnh sửa và thống nhất chung ➤ Bình bầu ban quản lý rừng thôn buôn và xác định thù lao, trách nhiệm, nguyên tắc làm việc của ban này. ➤ <u>Mẫu biểu để xác định nhiệm vụ, nguyên tắc của ban quản lý rừng cộng đồng được trình bày trong mẫu 10 của phần VI</u>

Chủ đề để xây dựng quy ước:

Không phải tất cả các chủ đề nêu trên đều cần có trong tất cả các quy ước ở các thôn khác nhau. Tùy theo tình hình thực tế mà lựa chọn các chủ đề để phát triển quy ước với người dân. Hãy bắt đầu bằng việc làm rõ với cộng đồng những vấn đề thực sự cộng đồng quan tâm trong quản lý, bảo vệ sử dụng và phát triển tài nguyên rừng của họ, đây chính là các điểm cần được thảo luận để xây dựng thành quy ước. Đó cũng là cơ sở để quy ước có được sự quan tâm của cộng đồng và được chính họ tổ chức thực hiện.

Ngoài ra tùy theo tình hình cụ thể của mỗi địa phương mà có thể có các chủ đề khác cần xem xét thảo luận để đưa vào quy ước. Ví dụ ở Đắk Nông, vấn đề sử dụng và sang nhượng đất nương rẫy diễn ra phức tạp, do vậy chủ đề quản lý đất nương rẫy cần được đưa ra thảo luận và thống nhất trong quy ước để thực hiện.

Bước 3. Viết và thông qua quy ước trong cộng đồng

Sau khi có bản thảo quy ước, cán bộ kiểm lâm địa bàn cần hỗ trợ ban quản lý rừng cộng đồng hoàn thành văn bản quy ước. Văn phong của nó cần đơn giản, sử dụng ngôn ngữ địa phương để dễ hiểu với người dân, cuối cùng quy ước này cần được thông qua một lần cuối trước thôn bản để có thống nhất chung.

Kết quả cần

- Quy ước được viết thành văn bản đơn giản, dễ hiểu đối với người

đạt được	dân. ➤ Quy ước được thông qua trong một cuộc họp toàn thôn bản. ➤ Ban tự quản thôn, ban quản lý rừng cộng đồng được hỗ trợ trong quá trình hoàn tất và trình văn bản quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng thôn buôn lên UBND xã.
Vật liệu	➤ Giấy A4, A0, bút viết
Tham gia	➤ Kiểm lâm địa bàn, lãnh đạo xã, Ban lâm nghiệp xã, trưởng thôn buôn, già làng, ban quản lý rừng cộng đồng, cán bộ hội phụ nữ.
Phương pháp tiến hành	➤ Hỗ trợ ban quản lý rừng cộng đồng hoàn thành văn bản quy ước ➤ Tổ chức họp thôn để thông qua trước khi trình duyệt
Thời gian, địa điểm	➤ Khoảng 1 ngày tại thôn

Bước 4: Phê duyệt Quy ước

Quy ước cần được chính quyền cấp xã và huyện thông qua để làm cơ sở pháp lý cho cộng đồng tổ chức thực hiện.

Kết quả cần đạt được	➤ Quy ước được UBND xã và huyện phê duyệt để cộng đồng thực hiện
Tài liệu	➤ Văn bản quy ước
Tham gia	➤ UBND xã, huyện và Hạt Kiểm lâm
Phương pháp tiến hành	➤ UBND xã đồng ý và gửi cho UBND huyện, huyện tham khảo ý kiến của Hạt kiểm lâm, phòng tư pháp để phê duyệt quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng thôn buôn;
Thời gian, địa điểm	➤ UBND xã, huyện và Hạt Kiểm lâm. Quá trình thông qua/không thông qua các quy ước thường mất khoảng 1 tháng.

Bước 5: Phổ biến quy ước ở cấp thôn buôn

Quy ước sau khi được cấp huyện, xã thông qua được gửi về lại thôn bản để thông báo với người dân và tổ chức thực hiện. Hình thức phổ biến quy ước không chỉ với một lần họp thôn bản mà cần lựa chọn phương thức phổ biến thích hợp và thường xuyên trong cộng đồng.

Kết quả cần đạt được	➤ Quy ước được phổ biến đến mọi người trong thôn buôn ➤ Những thay đổi của UBND huyện trong quá trình phê duyệt được
-----------------------------	---

	làm rõ với người dân ➤ Xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá; ➤ Thống nhất cách thức phổ biến quy ước trong thôn buôn;
Tài liệu	➤ Văn bản quy ước đã được phê duyệt được viết lại to rõ trên giấy A0
Tham gia	➤ Cán bộ kiểm lâm, lãnh đạo xã, ban tự quản thôn, ban quản lý rừng cộng đồng thôn, người dân trong thôn.
Phương pháp tiến hành	➤ Cán bộ kiểm lâm tổ chức họp thôn để thông báo cho người dân biết về kết quả phê duyệt. ➤ Phổ biến lại rõ ràng các điều khoản của quy ước được phê duyệt với toàn dân thôn bản. ➤ Lập kế hoạch và phương thức phổ biến quy ước thường xuyên trong cộng đồng
Thời gian, địa điểm	➤ Họp thôn nửa ngày. ➤ Tiến hành có định kỳ và lồng ghép trong các cuộc họp đoàn thể.

Phổ biến quy ước trong cộng đồng:

Đối với cùng đồng bào dân tộc thiểu số, có nhiều đề nghị nên dịch quy ước thành tiếng dân tộc để người dân dễ tiếp cận

Cách phổ biến cần đa dạng và linh hoạt thông qua truyền thông đại chúng, các cuộc họp thôn, các sinh hoạt đoàn thể thanh niên, phụ nữ, hội cựu chiến binh

Bước 6: Giám sát, đánh giá việc thực thi quy ước

Quy ước có được thực hiện có hiệu quả hay không là nhờ công tác giám sát và đánh giá. Công việc này ngoài sự nỗ lực của ban quản lý rừng cộng đồng, nó còn cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn.

Ngoài ra quy ước không phải bất di bất dịch, mà cần được xem xét để cải tiến cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển, do đó đánh giá quy ước sau một vài năm thực hiện là cần thiết để có thể thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với địa phương cũng như khung chính sách, luật pháp thay đổi.

Kết quả cần đạt được	➤ Trách nhiệm về việc thực hiện, giám sát và đánh giá quy ước bảo vệ rừng được phân cấp rõ ràng
Tài liệu	➤ Văn bản quy ước ➤ Các mẫu biên bản vi phạm ➤ In ấn quy ước trên khổ giấy lớn A0

Tham gia	➤ Cộng đồng, ban lâm nghiệp xã, kiểm lâm địa bàn, kiểm lâm huyện, lãnh đạo xã, ban quản lý rừng cộng đồng
Phương pháp tiến hành	➤ Cấp huyện: Hạt Kiểm lâm là đơn vị trợ giúp chính cho UBND huyện trong việc giám sát và thực thi quy ước; ➤ Cấp xã: Kiểm lâm địa bàn và ban lâm nghiệp xã kiểm tra và giám sát việc nộp phạt ở cấp xã và giải quyết các vụ vi phạm ở cấp xã. ➤ Cấp thôn buôn: • Ban quản lý rừng cộng đồng chịu trách nhiệm phổ biến quy ước đến các hộ gia đình trong thôn buôn; • Người dân chịu trách nhiệm đảm bảo rằng quy ước do họ xây dựng được thực hiện. • Phản hồi về việc thực hiện quy ước để chỉnh sửa trong giai đoạn sau (khoảng 2-3 năm)
Thời gian, địa điểm	➤ Ở cấp huyện, xã và thôn buôn

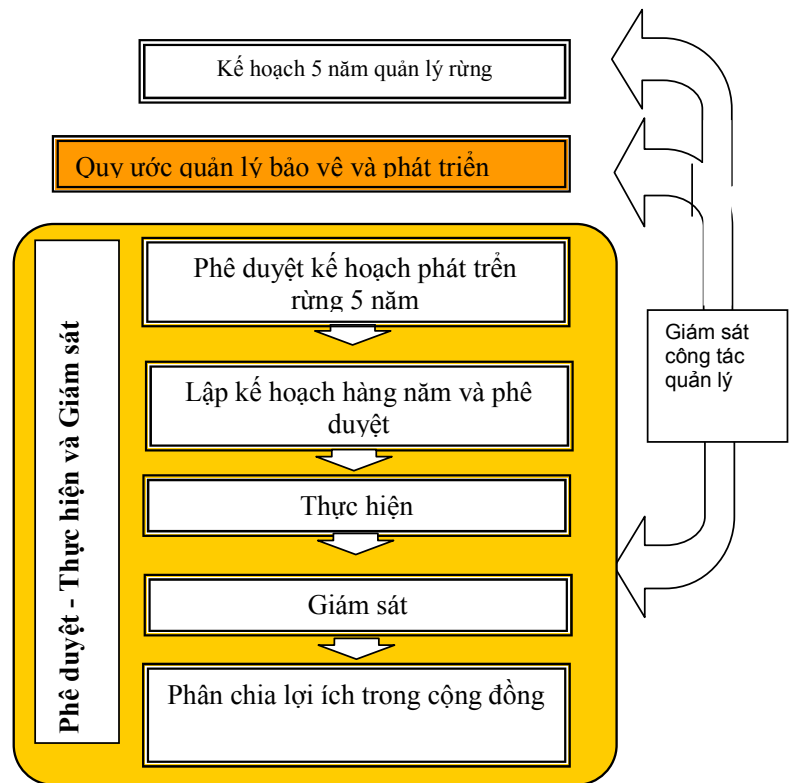
Phần V: Phê duyệt kế hoạch - Thực hiện và giám sát quản lý rừng cộng đồng

Trên cơ sở kế hoạch phát triển rừng 5 năm được lập ở thôn bản, kế hoạch này cần được trình cho UBND xã và huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch CFM, phương pháp và cơ chế giám sát đánh giá cần được xây dựng để hỗ trợ cho cộng đồng và chính quyền xã thực hiện có hiệu quả kế hoạch quản lý rừng hàng năm.

Trong tiến trình quản lý sử dụng rừng, các sản phẩm rừng và lợi ích từ rừng cần được phân chia một cách minh bạch và công bằng trong cộng đồng.

Đó là các công việc để tổ chức thực hiện và giám kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.



Minh hoạ 20: Công tác giám sát và quản lý trong CFM

5.1. Phê duyệt kế hoạch phát triển rừng 5 năm

Theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 và Quyết định 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp; UBND huyện là cấp có trách nhiệm và thẩm quyền phê duyệt kế hoạch quản lý, phát triển rừng 5 năm của cấp thôn bản. Vì vậy bản kế hoạch phát triển rừng 5 năm của thôn cần được trình lên UBND xã để thông qua và trình lên UBND huyện để phê duyệt.

Kế hoạch phát triển rừng 5 năm được phê duyệt là cơ sở để cộng đồng lập kế hoạch hoạt động hàng năm. Bản kế hoạch được phê duyệt cần được phổ biến rộng rãi trong toàn thôn bản để cùng nhau lập kế hoạch thực hiện, giám sát đánh giá.

Kết quả cần đạt được

- Kế hoạch phát triển rừng 5 năm của thôn bản được UBND xã và huyện phê duyệt.
- Kế hoạch được phê duyệt được phổ biến rộng rãi trong toàn thôn bản

Vật liệu

- Mẫu trình duyệt kế hoạch quản lý rừng 5 năm của thôn buôn
- Giấy A4, bút

Tham gia	➤ Ban quản lý rừng cộng đồng, Ban tự quản thôn ➤ Ban lâm nghiệp xã ➤ Cán bộ kiểm lâm huyện, cán bộ lâm nghiệp
Phương pháp tiến hành	➤ Cán bộ kỹ thuật hỗ trợ ban quản lý rừng cộng đồng lập hồ sơ để trình duyệt kế hoạch phát triển rừng 5 năm. (<i>Mẫu 11 trong phần VI</i>) ➤ Kế hoạch được gửi đến UBND xã xem xét và trình lên UBND huyện ➤ UBND huyện phê duyệt và phản hồi cho xã và xã thông báo trở lại thôn. ➤ Ban quản lý rừng cộng đồng tổ chức họp thôn để thông báo kế hoạch đã được phê duyệt và chuẩn bị thực hiện kế hoạch
Thời gian, địa điểm	➤ Tại thôn bản, xã, huyện ➤ Thời gian 1 tháng

5.2. Lập và phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm

Trên cơ sở kế hoạch phát triển rừng 5 năm của thôn bản đã được phê duyệt, kế hoạch hoạt động từng năm được xây dựng bởi ban quản lý rừng cộng đồng và trình cho UBND xã phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Kết quả cần đạt được	➤ Kế hoạch hoạt động hàng năm được UBND xã phê duyệt ➤ Kế hoạch được phê duyệt được thông báo rộng rãi đến toàn thôn bản để thực hiện
Vật liệu	➤ Mẫu trình duyệt kế hoạch quản lý rừng hàng năm của thôn buôn ➤ Giấy A4, bút
Tham gia	➤ Ban quản lý rừng cộng đồng, Ban tự quản thôn ➤ Ban lâm nghiệp xã, kiểm lâm địa bàn
Phương pháp tiến hành	➤ Ban lâm nghiệp xã, kiểm lâm địa bàn hỗ trợ ban quản lý rừng cộng đồng lập hồ sơ để trình duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm (<i>Mẫu 12 trong phần VI</i>) ➤ Kế hoạch được gửi đến UBND xã phê duyệt và phản hồi cho thôn đồng thời báo cáo với huyện ➤ Ban quản lý rừng cộng đồng tổ chức họp thôn để thông báo kế hoạch đã được phê duyệt và chuẩn bị thực hiện kế hoạch
Thời gian, địa điểm	➤ Tại thôn buôn, xã ➤ Thời gian 1/2 tháng

5.3. Thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng

Khi kế hoạch hàng năm quản lý rừng được phê duyệt, cộng đồng sẽ tiến hành thực hiện các biện pháp lâm sinh khác nhau để bảo vệ và phát triển rừng, thu hoạch lâm sản cho nhu cầu sử dụng của hộ gia đình và nếu có thể thì bán sản phẩm ra thị trường.

Các giải pháp lâm sinh được áp dụng dựa vào kế hoạch hoạt động 5 năm và hàng năm của từng lô rừng được xác định trong giai đoạn lập kế hoạch.

Các giải pháp lâm sinh chủ yếu đối với quản lý rừng cộng đồng là:

- **Đối với các lô rừng tự nhiên:**
 - o Chặt chọn từng cây
 - o Làm giàu rừng, trồng dặm
 - o Phát triển lâm sản ngoài gỗ
- **Đối với các lô đất trống:**
 - o Cải tạo, trồng rừng hoặc áp dụng phương thức nông lâm kết hợp
 - o Tỉa cành, tỉa thưa
 - o Khai thác
 - o Trồng lại rừng

Một tài liệu hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh được phát triển song song với tài liệu này để giúp cho cán bộ kỹ thuật địa phương hướng dẫn, làm việc và thảo luận với nông dân trong việc lựa chọn và thực hiện giải pháp kỹ thuật trong thực tế. Việc áp dụng giải pháp kỹ thuật lâm sinh có nhiều thử thách và cần quan tâm hỗ trợ, tập huấn cho nông dân, vì họ là những người lần đầu tiên áp dụng kỹ thuật để quản lý rừng bền vững.

Đối với quản lý rừng cộng đồng, không nhất thiết phân biệt giữa kỹ thuật tỉa thưa và khai thác chính, biện pháp chủ yếu là chặt chọn từng cây dựa vào mô hình rừng ổn định; ngoài ra cường độ chặt thường không lớn và cộng đồng có thể chặt quanh năm theo nhu cầu sử dụng. Với việc so sánh cấu trúc rừng thực tế với cấu trúc ổn định, cộng đồng có thể chặt ở các trạng thái rừng giàu nghèo khác nhau và luôn duy trì vốn rừng ổn định, do đó không nhất thiết phải phân biệt giữa tỉa thưa và khai thác.

Kỹ thuật chặt chọn được tổ chức thực hiện bao gồm các bước chính:

i) Xác định vị trí lô rừng, đường kéo gỗ, bãi gỗ:

Lô rừng chặt chọn hàng năm thực tế đã được xác định trong kế hoạch 5 năm và hàng năm. Tuy nhiên với một số lô rừng có diện tích khá lớn, trong một năm có thể không chặt hết trên lô rừng đó. Do vậy cộng đồng trước hết cần quyết định vị trí chặt cho năm đó.

Đối với chặt chọn ít cây để sử dụng, thông thường người dân xẻ gỗ thành miếng ngay tại rừng để giảm thiểu công vận xuất. Khi chặt với lượng khá nhiều thì cần thiết phải xác định đường kéo gỗ ít tổn hại cho rừng. Thông thường rừng giao cho cộng đồng đã qua khai thác chọn trước đây, do đó có khá nhiều đường kéo gỗ cũ, đường mòn; cần tận dụng các con đường này để giảm ảnh hưởng đến rừng; trong trường hợp không có đường, thì việc chọn tuyến đường kéo gỗ cần căn cứ theo địa hình và kinh nghiệm của người bản địa.

ii) Chọn và đánh dấu cây chặt:

Số lượng cây được phép chặt theo cấp kính dựa vào việc so sánh với mô hình rừng ổn định và được xác định trong kế hoạch hàng năm. Dựa vào số cây được chặt này, cộng đồng sẽ tiến hành chọn lựa cây chặt và đánh dấu trong rừng. Cây được đánh dấu để chặt bao gồm cây đáp ứng mục đích sử dụng hoặc kinh doanh, cây cần loại trừ để giảm cạnh tranh hoặc là cây kém giá trị nơi quá dày để xúc tiến tái sinh và thúc đẩy tăng trưởng cho những cây mục đích. Việc đánh dấu cây chặt không đơn thuần dựa vào số cây mà cần theo các tiêu chí như: Bảo đảm độ tàn che sau khi chặt, giữ cây gieo giống, không tổn hại đến cây khác, hỗ trợ cho tái sinh rừng, giữ lại cây quý hiếm, cây đa tác dụng trong đời sống cộng đồng những vấn đề này được trình bày cụ thể trong hướng dẫn lâm sinh. Đồng thời công việc này cũng cần thảo luận với người dân và sử dụng kiến thức của họ để quyết định cây có thể chặt và cây cần giữ lại vì các mục đích sử dụng và quản lý của cộng đồng.

iii) Chặt hạ:

Chặt hạ cây trong quản lý rừng cộng đồng chủ yếu bằng công cụ thủ công, ở nơi có điều kiện có thể sử dụng máy cưa, tuy nhiên điều này do cộng đồng quyết định dựa vào chính nguồn lực của họ và hiệu quả công việc cũng như lao động phải chi phí. Việc chặt hạ cần lưu ý đến kỹ thuật và sự an toàn, tránh tổn hại cho cây rừng và tái sinh, tránh làm hư hỏng cây đặc biệt là nơi địa hình dốc.

Đối với việc chặt hạ cây lớn thường tác động mạnh, gây ngã đổ các cây xung quanh, do đó cần giảm số cây chặt theo dự kiến; nếu có thể thì cần tận dụng các cây bị va đập làm ngã đổ. Điều này bảo đảm cho việc khai thác không vượt quá quy định và tổn hại đến vốn rừng.

iv) Kéo cây ra bãi gỗ:

Đối với chặt cây cho mục đích sử dụng của hộ gia đình thì gỗ được kéo về trực tiếp đến hộ đó. Trường hợp khai thác gỗ với mục đích thương mại thì gỗ cần được kéo về một bãi gỗ để kiểm lâm kiểm tra, đóng búa và có thể bán gỗ từ đây. Phương tiện kéo gỗ có thể rất đa dạng tùy vào điều kiện của cộng đồng như trâu, bò, voi; khuyến khích sử dụng súc vật để kéo gỗ nhằm giảm tác hại đến rừng. Tuy nhiên ở nơi địa hình khó khăn, số lượng gỗ khai thác khá nhiều để buôn bán và việc sử dụng phương tiện cơ giới sẽ có hiệu quả hơn, lúc này cộng đồng tự quyết định và lựa chọn các cơ quan có phương tiện để hợp đồng.

v) Vệ sinh rừng, dọn và tận dụng cành nhánh:

Sau khi chặt cây, kéo gỗ, một lượng lớn cành nhánh còn lại trong rừng. Cần thiết phải dọn dẹp để không ảnh hưởng đến tái sinh rừng sau này. Cành nhánh nhỏ cần được chặt khúc và rải đều trên mặt đất. Đối với cành nhánh lớn có thể cắt khúc và lấy ra để làm củi hoặc bán gỗ nhỏ.

5.4. Hệ thống giám sát, quản lý thực hiện kế hoạch

Khái niệm quản lý rừng cộng đồng, các phương pháp và công cụ phần lớn là mới mẻ đối với cán bộ và các cơ quan nhà nước liên quan đến lâm nghiệp. Do đó cần phải thiết lập một hệ thống giám sát, quản lý thực tế để thực hiện được kế hoạch quản lý rừng cộng đồng, nhất là liên quan đến việc khai thác gỗ. Hệ thống giám sát này cần được tổ chức phù hợp với khả năng tiếp cận của cộng đồng và quan tâm đến việc nâng cao tính tự quản, giám sát tại cơ sở, địa phương. Trong hệ thống mới này, vai trò trách nhiệm và nhiệm vụ của các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan trong quá trình quản lý rừng cộng đồng cũng cần được xác định để hỗ trợ cho tiến trình.

Một hệ thống quản lý hành chính và cơ chế quản lý rừng cộng đồng đang được phát triển bởi tổ công tác lâm nghiệp cộng đồng quốc gia; đây là tiền đề cũng như điều kiện quan trọng để mở đường cho việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh rừng cộng đồng. Về nguyên tắc, cơ chế quản lý mới này theo định hướng phân cấp mạnh mẽ quyền ra quyết định và giám sát cho các cấp chính quyền địa phương huyện, xã, thôn và có sự liên kết từ

cấp thôn buôn đến cấp huyện; giảm thiểu các thủ tục quản lý lâm sản phức tạp không cần thiết trong trường hợp cộng đồng tham gia quản lý rừng và tự giám sát.

Cơ chế giám sát khai thác rừng cần phân biệt làm hai loại:

- Khai thác để sử dụng của hộ gia đình, sử dụng trong cộng đồng
- Khai thác để bán thành hàng hóa,

Đề xuất các bước chính, cơ chế giám sát khai thác gỗ để sử dụng của hộ gia đình

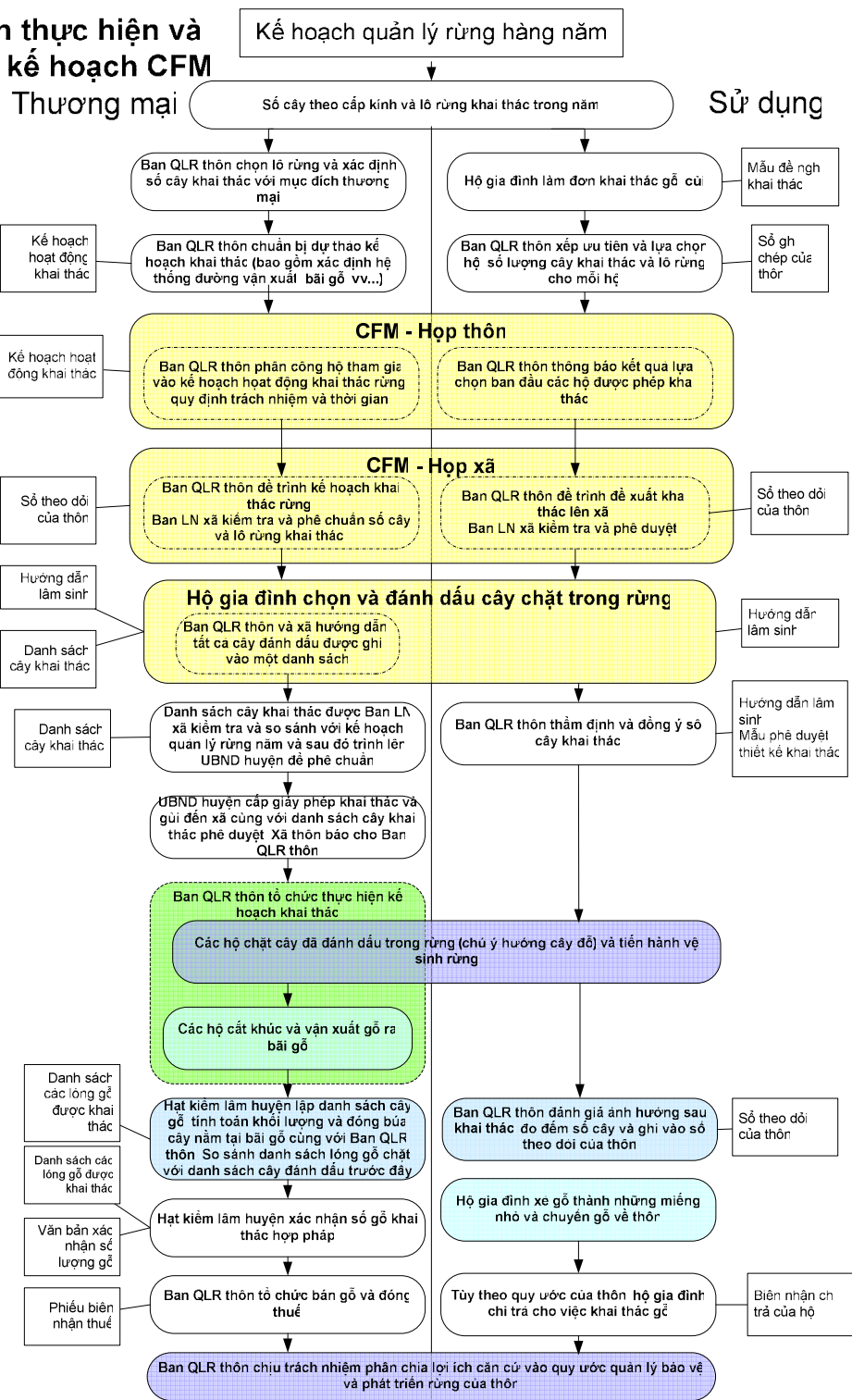
Hoạt động	Thực hiện	Giám sát, đệ trình	Ra quyết định
Làm đơn khai thác gỗ	Hộ gia đình làm đơn trình cho ban quản lý rừng cộng đồng	Ban quản lý rừng cộng đồng tập hợp, lựa chọn hộ ưu tiên và trình cho xã	Ban lâm nghiệp xã phê duyệt
Chọn vị trí, cây chặt	Hộ đánh dấu cây chặt đúng vị trí lô rừng	Ban quản lý rừng cộng đồng chỉ định vị trí lô rừng và giám sát việc đánh dấu cây	
Chặt hạ, kéo gỗ về nhà	Hộ gia đình	Ban quản lý rừng cộng đồng Kiểm lâm địa bàn	
Dọn cành nhánh, vệ sinh rừng	Hộ gia đình	Ban quản lý rừng cộng đồng	
Kiểm tra rừng sau khi chặt	Hộ gia đình	Ban quản lý rừng cộng đồng	

Đề xuất các bước chính và cơ chế giám sát khai thác gỗ để bán

Hoạt động	Thực hiện	Giám sát, đệ trình	Ra quyết định
Chọn vị trí lô rừng khai thác trong năm, đường kéo gỗ, bãi gỗ.	Ban quản lý rừng cộng đồng, các hộ gia đình	Ban lâm nghiệp xã	
Chọn và đánh dấu cây chặt. Lập danh sách loài cây đánh dấu chặt, cấp kính, vị trí lô rừng để xin cấp phép khai thác	Ban quản lý rừng cộng đồng, các hộ	Kiểm lâm địa bàn, kiểm lâm huyện Ban lâm nghiệp xã	

Hoạt động	Thực hiện	Giám sát, đê trình	Ra quyết định
Cấp giấy phép khai thác	Ban quản lý rừng cộng đồng lập danh sách cây bài chặt, vị trí lô rừng và trình cho xã	Ban lâm nghiệp xã tập hợp các thôn theo năm và trình cho huyện	UBND huyện cấp phép khai thác
Chặt hạ	Ban quản lý rừng cộng đồng Các nhóm hộ, hộ	Ban lâm nghiệp xã Kiểm lâm địa bàn, kiểm lâm huyện	
Kéo gỗ ra bãi gỗ	Ban quản lý rừng cộng đồng Các nhóm hộ, hộ	Ban lâm nghiệp xã	
Dọn cành nhánh, vệ sinh rừng	Ban quản lý rừng cộng đồng Các nhóm hộ, hộ	Ban lâm nghiệp xã	
Kiểm tra rừng sau khi chặt	Ban quản lý rừng cộng đồng	Ban lâm nghiệp xã	
Kiểm tra số cây, loài, tính thể tích gỗ tại bãi gỗ. Đóng búa kiểm lâm để lưu thông gỗ	Ban quản lý rừng cộng đồng tham gia tính toán thể tích gỗ	Ban lâm nghiệp xã	Hạt kiểm lâm huyện
Bán gỗ và nộp thuế tài nguyên rừng	Ban quản lý rừng cộng đồng	Ban lâm nghiệp xã	
Phân chia lợi ích trong cộng đồng	Ban quản lý rừng cộng đồng Toàn bộ các hộ	Ban lâm nghiệp xã	

Tiến trình thực hiện và giám sát kế hoạch CFM



Minh hoạ 21: Sơ đồ tiến trình thực hiện và giám sát khai thác gỗ củi cho sử dụng và thương mại

Để thực hiện các bước quản lý, giám sát nói trên, một số mẫu biểu đơn giản, phù hợp được thiết kế cho tất cả các cấp quản lý từ thôn đến huyện theo từng nội dung công việc liên quan. (Mẫu 13 – 17 trong phần VI)

5.5. Đề xuất quyền hưởng lợi và phân chia lợi ích từ rừng trong cộng đồng

Nguyên tắc xác định quyền hưởng lợi cho cộng đồng quản lý rừng:

- Để đảm bảo CFM có thể được các xã và thôn buôn thực hiện mà không cần có sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài hay của nhà nước, quyền hưởng lợi phải được rõ ràng, công bằng và minh bạch đối với người sử dụng rừng, thôn và xã.
- Dựa vào cơ sở tăng trưởng số cây trong 5 năm của rừng để tính toán phần cộng đồng được hưởng trong từng giai đoạn lập kế hoạch 5 năm quản lý rừng cộng đồng.
- Tiếp cận theo mô hình rừng ổn định số cây theo cấp kính trong 5 năm. So sánh số cây thực tế với mô hình rừng ổn định, số cây vượt lên là số cây tăng trưởng theo cấp kính trong 5 năm; đây là số cây cộng đồng được khai thác và hưởng lợi. Có nghĩa là sử dụng mô hình rừng ổn định như là đối chứng để xác định tăng trưởng và chỉ số xác định quyền hưởng lợi dựa vào tăng trưởng được đơn giản hóa bằng số cây theo cấp kính.

Hướng dẫn thực hiện:

- Định kỳ 5 năm điều tra rừng để xác định lượng tăng trưởng số cây và đó là số cây cộng đồng được chặt để thu lợi ích.
- Căn cứ vào vốn rừng cần giữ lại theo số cây, cộng đồng có quyền chặt bất kỳ thời điểm nào mà theo họ là thích hợp với lao động và thị trường.
- Trong 5 năm đầu khi so sánh số cây thực tế với rừng ổn định thì cộng đồng có thể chặt các cây vượt hơn số cây mô hình ổn định. Số cây này chưa phải là tăng trưởng rừng, tuy nhiên có thể xem đây là phần tạm ứng. 5 năm sau khi so sánh lại thì được hưởng theo phần tăng trưởng bởi số cây vượt lên ở mỗi cấp kính.

Phân chia lợi ích trong nội bộ cộng đồng, với xã:

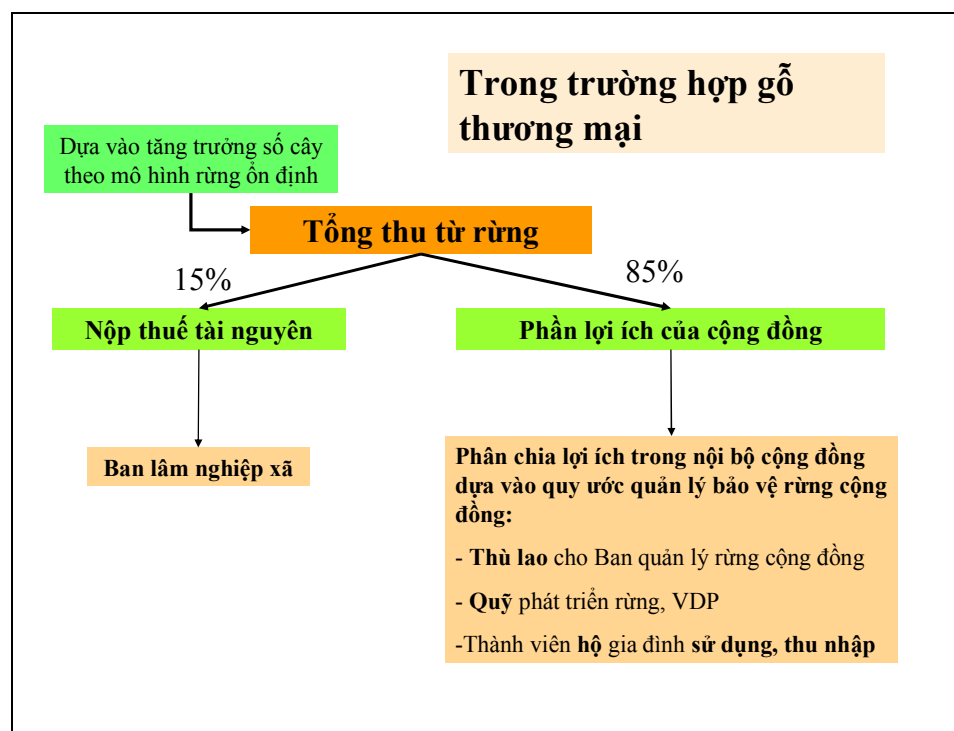
Phần hưởng lợi của cộng đồng được phân chia làm 2 loại:

- Khai thác rừng để sử dụng trong hộ gia đình, cộng đồng
- Khai thác rừng với mục đích thương mại.

Thu nhập thu được từ gỗ khai thác cho mục đích thương mại sẽ được phân chia giữa thôn và xã. Lý do là cần chi trả cho các hoạt động trong CFM, đặc biệt là thù lao cho Ban lâm nghiệp xã, ban quản lý rừng thôn và tổ bảo vệ rừng (ví dụ các công việc xây dựng, thực hiện, giám sát kế hoạch quản lý rừng thôn). Hơn thế nữa, tiền thu được có thể dùng để thực hiện các hoạt động của kế hoạch phát triển thôn, xã (Quỹ phát triển thôn xã). Vì CFM được coi là "lâm nghiệp tự cung tự cấp" (CFM đang được thực hiện ở các xã vùng cao nghèo nhất nước), thu nhập từ việc bán gỗ của rừng cộng đồng có thể được sử dụng cho lợi ích và bù đắp cho các cộng đồng khu vực này.

Cộng đồng được phép khai thác số cây tăng trưởng khi so với mô hình rừng ổn định; toàn bộ thu nhập từ gỗ khai thác cho mục đích thương mại khuyến nghị được phân chia giữa xã, thôn và hộ gia đình tham gia quản lý sử dụng rừng. Hướng phân chia như sau:

- Phần nộp thuế tài nguyên khoảng 15% được chuyển đến xã để chi trả cho ban lâm nghiệp xã phục vụ quản lý giám sát quản lý rừng cộng đồng.
- Phần còn lại cộng đồng được hưởng và phân chia theo quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng do cộng đồng xây dựng, bao gồm:
 - o Lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng để mua cây giống, lập vườn ươm, để trồng rừng, làm giàu rừng; trả công cho tổ bảo vệ rừng, khen thưởng, đóng góp xây dựng trường học, thủy lợi, hoạt động phát triển thôn buôn (VDP).
 - o Thù lao cho ban quản lý rừng cộng đồng
 - o Phân chia cho cá nhân, hộ gia đình theo đóng góp công lao động vào tất cả các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng

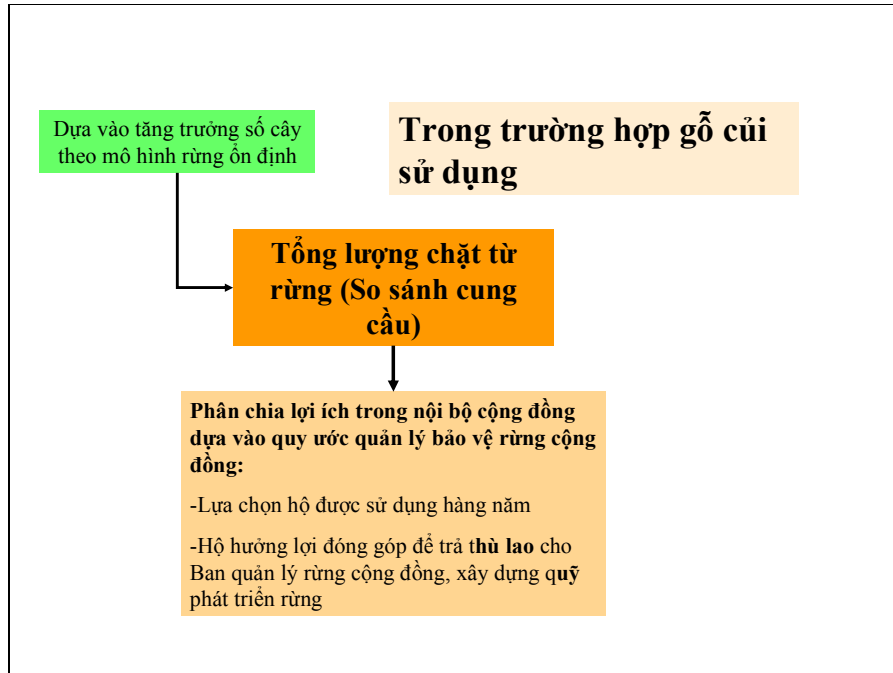


Minh hoạ 22: **Quyền hưởng lợi và phân chia lợi ích trong cộng đồng (Trường hợp khai thác gỗ với mục đích thương mại)**

Trường hợp khai thác gỗ để sử dụng trong gia đình, nội bộ cộng đồng thì việc xác định quyền hưởng lợi và phân chia lợi ích đơn giản hơn. Trên cơ sở tăng trưởng số cây, cộng đồng được phân phối khai thác đến hộ gia đình. Hướng phân chia như sau:

- Căn cứ vào tổng lượng gỗ củi có thể khai thác 5 năm và hàng năm, ban quản lý rừng cộng đồng lựa chọn hộ được phép khai thác hàng năm.
- Hộ gia đình được phép tổ chức khai thác để sử dụng theo phê duyệt của thôn, xã.

- Trong một số trường hợp hộ gia đình được khai thác gỗ cần đóng góp để gây quỹ quản lý rừng cộng đồng. Quỹ này được dùng để trả thù lao cho ban quản lý rừng cộng đồng, tổ bảo vệ rừng, phát triển rừng thôn bản, ...



Minh họa 23: **Quyền hưởng lợi và phân chia lợi ích trong cộng đồng (Trường hợp khai thác gỗ củ cho mục đích sử dụng trong cộng đồng)**

Phần VI: Mẫu biểu bảng

Mẫu 1: Mẫu mô tả lô rừng

Tên thôn: Bon Bu Nơr

hướng từ buôn tới rừng



Tên lô rừng: Đăng Ta R'Lăng

diện tích (ha): 41

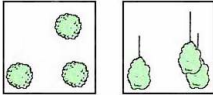
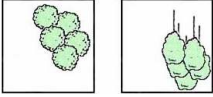
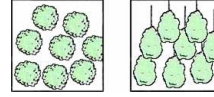
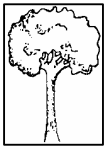
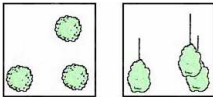
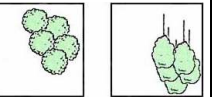
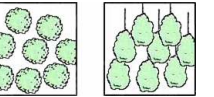
Đường đi	Đi bộ từ thôn đến lô rừng này mất bao lâu?				
	ít hơn 1 giờ (X)	từ 1- 2 giờ	hơn 2 giờ		
Loại rừng/tuổi rừng	Thường xanh		Độ tuổi rừng		
			già (X)	trung bình non	
Lâm sản	Bà con có khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có (X)	không
	Nếu không, bà con cho biết lý do tại sao?				
	Bà con liệt kê 3 lâm sản chính có thể khai thác được từ lô rừng này.				
	gỗ		lò ụ	măng	
Cỏ dại che phủ	Đánh giá tình hình cỏ dại phủ trên mặt đất.				
	đã bị phủ hơn 50%	nhiều	thường xuyên bị phủ hơn 50% (X)	ít	hiện tại không bị che phủ

Nguy cơ cháy rừng	Lần cháy rừng cuối cùng là khi nào?			
	Hàng năm	trong vòng 5 năm gần đây	trong vòng 5-10 năm gần đây	chưa bao giờ
				(X)

Mức độ chặn thả	Kiểm tra mức độ chặn thả trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, khu vực bị giẫm phá, cỏ mọc lơ thơ, cây có bị gặm nhấm...)			
	cao	trung bình	thấp	không có (X)

Thời điểm khai thác trước đây	Lần khai thác cuối cùng được thực hiện khi nào?		Cỏch đây gần 2 tháng	
	Các loài nào đặc biệt khác được khai thác? Lấy gỗ làm nhà, lò ô, măng			
Độ chiếu sáng	ánh sáng xuống cho cho tái sinh tự nhiên như thế nào			
	Mờ - Thiếu cây to, thỉnh thoảng mới có cây thấp, mặt đất chủ yếu là cỏ và che nửa			
	Khoảng không lớn - cây nọ cách cây kia hơn một tán lá, không có tái sinh hoặc không có tầng thấp			
	Sáng - cây nọ cách cây kia không quá một tán lá			
	Kín - Tán lá của các cây chạm vào nhau			(X)

Mô tả lô rừng (tt)

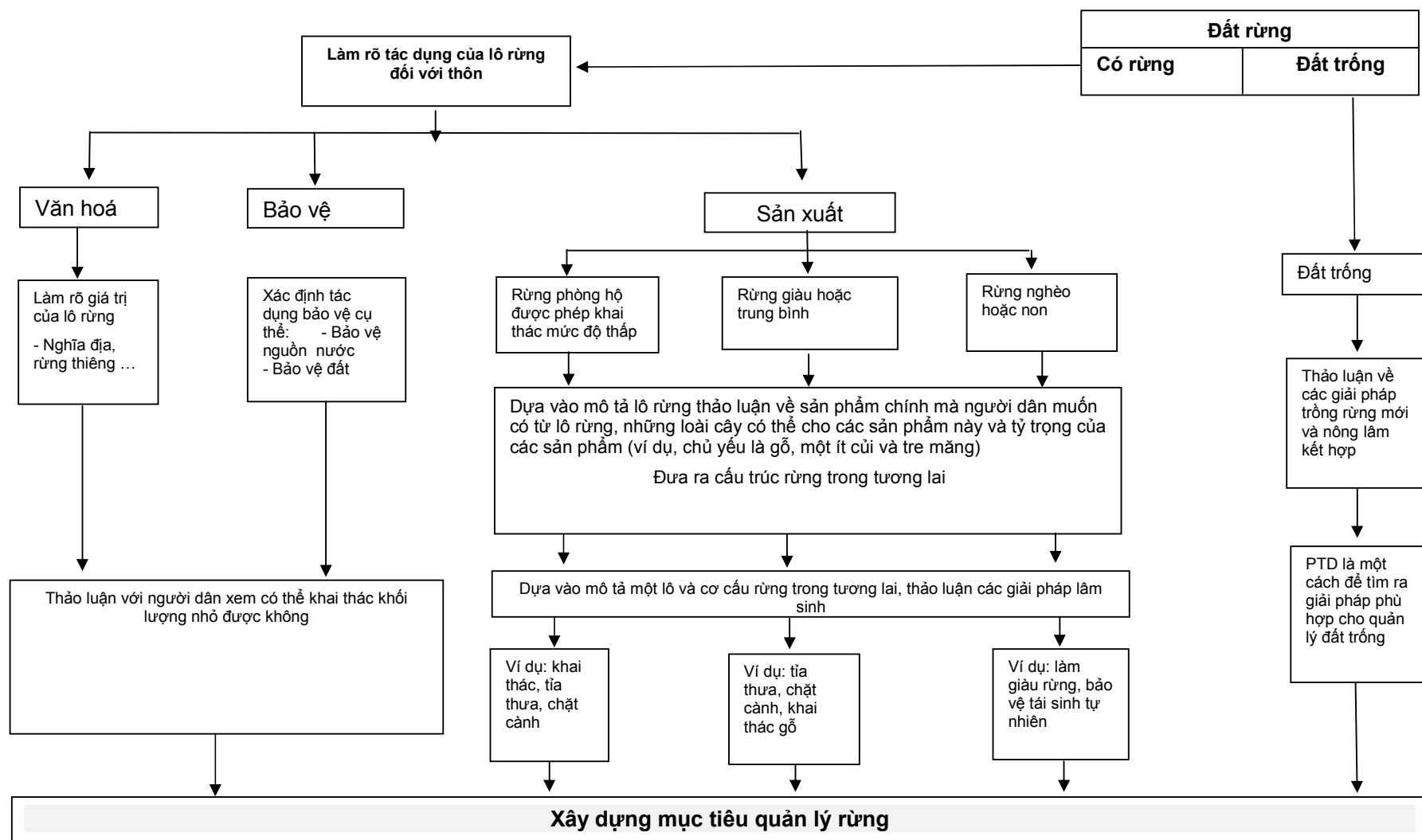
Cây to nhất trong tầng cao (dknn> 30cm – các cấp kính màu đỏ, da cam, dài sóng)				Có thể sử dụng làm	
Loài chiếm ưu thế?	1) Chò xốt			Bán	
	2) Trâm đỏ			Làm nhà	
	3) Trâm trắng			Làm nhà	
	4) Dẻ			Củi	
Cây to phân bố như thế nào?	Rải rác hoặc nằm riêng lẻ	Thành nhóm	Bảng nhau hoặc chạm tán (X)		Ghi chú
					
Những cây lớn trông như thế nào?	Thẳng (X)	Cong/vặn	Sâu/bệnh		Ghi chú
					
Cây dưới tán (dknn = 10 – 29,9 cm, các cấp kính màu đen đến các điểm chấm)				Có thể sử dụng làm	
Loài gì chiếm ưu thế	1) Chò xốt			Làm nhà	
	2) Trâm đỏ			Củi	
	3) Dẻ			Hàng rào	
	4)				
Cây trung bình phân bố như thế nào?	Rải rác hoặc riêng lẻ	Thành nhóm	Bảng hoặc chạm tán (X)		Ghi chú
					
Cây con tái sinh cao từ (0,2 m - 1,30 m)					
Tái sinh tự nhiên trong rừng như thế nào? Trâm đỏ, chò xốt, dẻ					
Rất nhiều (X)		Trung bình		ít	

Mẫu 2: Mẫu ghi mục tiêu quản lý lô rừng

(Ví dụ ở thôn Bu Nơr)

Tên lô rừng Loại rừng Diện tích	Vấn đề	Cơ hội	Mục tiêu quản lý
Lâm lo Nghèo 47 ha	- Xa nên khó quản lý bảo vệ - Dễ bị khai thác trộm	- Địa hình bằng phẳng - Rừng còn một số cây gỗ lớn và có nhiều cây thuốc	Rừng thường xanh sản xuất gỗ theo cách chặt những cây dư ra ở các cấp kính
Đông bay Già 69 ha	- Gần suối, gần nương rẫy do vậy dễ bị phát làm rẫy	- Cung cấp gỗ và lâm sản khác - Địa hình bằng phẳng thuận lợi cho việc kiểm tra bảo vệ rừng	Rừng thường xanh sản xuất gỗ theo cách chỉ chặt những cây dư ra ở các cấp kính và xúc tiến tái sinh

Mẫu 3: Sơ đồ định hướng xác định mục tiêu quản lý lô rừng



Mẫu 4: Mẫu điều tra ô mẫu

Người ghi chép Ngày Màu đất

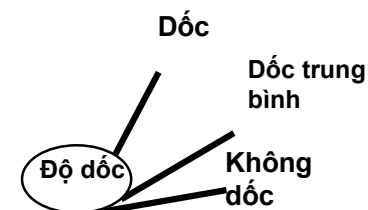
Tên buôn Số lô rừng Tên khu vực điều tra Số của ô mẫu

Độ che phủ tán rừng

☐ ⇒ Mở

☒ ⇒ Trung bình

☐ ⇒ Dày đặc



Tên cây bản địa (đánh dấu cây gỗ bằng dấu sao)	Cây tái sinh (B) Chiều cao dưới ngực	(A)		😊 Khả năng cho gỗ (A)							☹ Không có khả năng cho gỗ (A)						
		Trắng	Vàng	Đen	Kè sọc	Xanh	Chấm	Đỏ	Cam	Sóng	Đen	Kè sọc	Xanh	Chấm	Đỏ	Cam	Sóng

Tổng số cây tre, lồ ô (hoặc bụi) trong ô

Mẫu 5: Mẫu tổng hợp kết quả điều tra của lô rừng

1) Tên buôn			Bon Bu Nơr				2) Tên lô rừng			Lêmlộ						3) Diện tích lô (ha)				47 ha		
4) Tổng số ô mẫu [z]			10		5) Chỉ số a = DT lô / z x 0.03				156		6) Chỉ số b = DT lô / z x 0.015				313		6) Chỉ số c = DT lô / z x 0.0024				1958	
Loài cây Tái sinh	Tái sinh (< 1.3 m)		Trắng (< 5 cm)		Vàng (5 – 9.9 cm)		Khả năng cho gỗ	Đen (10 – 14.9 cm)		Kè sọc (15 – 19,9 cm)		Xanh (20 – 24,9 cm)		Chấm (25 – 29,9 cm)		Đỏ (30 – 34,9 cm)		Cam (35 – 39.9cm)		Sóng (>= 40 cm)		
Loài cây gỗ (có dấu *)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x c)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x b)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x b)		Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả lô (x a)	
	223	436634	398	124574	105	32865	☺	72	11232	63	9828	32	4992	25	3900	9	1404	5	380	3	468	
							☹	17	2652	4	2624	3	468	3	468	0	0	0	0	0	0	
Loài cây khác	93	182094	198	61974	48	15024		33	5148	12	1872	8	1248	1	156	0	0	0	0	0	0	
TS cây cho gỗ		436634				157439					21060				8892				1784		468	

Số cây tre, lồ ô đếm được của số ô mẫu	Tổng số cây tre, lồ ô trên toàn lô rừng	Số cây tre đếm được của số ô mẫu x chỉ số a
--	---	---

Mẫu 6: Mẫu cân đối cung cầu lâm sản 5 năm

(Ví dụ ở Buôn Bu Nơr)

Cấp kính	Vàng 		Kè sọc 		Chấm 		Cam 		Sóng 	
	(< 10cm)		(10 – 20cm)		(20 – 30cm)		(30 – 40cm)		(> 40cm)	
Nhu cầu của thôn để sử dụng	6460		60		100		510		25	
Nguồn cung và mức khai thác/ lô	Nguồn cung	Khai thác	Nguồn cung	Khai thác	Nguồn cung	Khai thác	Nguồn cung	Khai thác	Nguồn cung	Khai thác
Lem Lỗ	122.834	50.000	8.229	4.000	3.064	1.000	0	0	0	0
Đảng Rlâm	76.962	0	1.365	0	4.088	0	1.509	1.000	684	400
Đông Bay	109.365	0	3.243	0	3.634	0	1.996	800	1.610	800
Yông Đông	163.283	*	3.136	0	0	0	0	0	1.985	1.200
Đảng Kră	35.615	*	435	0	0	0	176	100	589	500
Đảng Ta Rlăng (1)	61.638	*	9.059	0	4.204	1.000	8701	6.000	0	0
Đảng Ta Rlăng (2)	21.082	*	4.569	0	1.452	500	2.988	2.500	0	0
Đảng N'ho	1.365	*	0	0	0	0	165	0	876	0
Lũ Āke	30.720	*	0	0	0	0	0	0	1.080	200
Tổng khai thác		50.000		4.000		2.500		10.400		3.100
Cân đối giữa nhu cầu sử dụng trong thôn và khả năng cung cấp gỗ của 9 lô rừng	Dư: 43.540		Dư:3.940		Dư: 1.400		Dư: 9.890		Dư: 3.075	
Vấn đề										
Cơ hội										

Ghi chú: - Đơn vị tính trong bảng là số cây

- Số dư có thể khai thác để bán

Mẫu 7: Mẫu kế hoạch hoạt động 5 năm của lô rừng

(Ví dụ một lô rừng ở Buôn Bu Nơr)

Tên lô rừng	Loại rừng	Diện tích (ha)	Mục tiêu của lô rừng và hệ thống lâm sinh	Rừng thường xanh, sản xuất gỗ; chặt chọn những cây dư ra ở các cấp kính để giữ rừng ổn định lâu dài						
Đông Bay	Già	69								
Hoạt động	Mô tả			Số lượng	Năm					Trách nhiệm
				Đơn vị	05	06	07	08	09	
Chặt chọn	- Đo đếm đánh dấu cây - Chặt hạ, cắt khúc, vệ sinh rừng - Vận xuất ra bãi gỗ			800 cây cam 800 cây sồng			800 800			- Người dân - Hạt Kiểm lâm
Trồng dặm	Trồng dặm Sao, Dầu			500 cây				250	250	- Người dân - DA ETSP hỗ trợ giống
Bảo vệ rừng	Phân công các hộ trong nhóm đi tuần tra thường xuyên			69 ha	x	x	x	x	x	Người dân trong nhóm

Mẫu 8: Mẫu kế hoạch 5 năm phát triển rừng

(Ví dụ ở Buôn Bu Nơr)

Tên thôn	Bu Nơr A & B		Diện tích rừng sản xuất [ha]	582 ha	Diện tích rừng phòng hộ [ha]	33 ha	Diện tích rừng thiêng [ha]	15 ha	Giai đoạn	Từ 2005 tới 2010				
Tên lô rừng		Loại rừng	Diện tích [ha]	Mục tiêu quản lý	Trách nhiệm	Hoạt động			Thời gian thực hiện (năm)					
									'05	'06	'07	'08	'09	
Lem Lọ		Nghèo	47	Sản xuất gỗ	Cộng đồng	Chặt chọn Trồng dặm Sao, Dầu Bảo vệ rừng				x	x	x	x	
Đông Bay		Già	69	Sản xuất gỗ	Cộng đồng, các bên liên quan	Chặt chọn Quản lý bảo vệ rừng					x			
Bóch Tông Tăng		Nghèo	15	Rừng thiêng nghĩa địa	Cộng đồng	Bảo vệ nghiêm ngặt			x	x	x	x	x	
Lũ ăke		Nghèo	48	Sản xuất gỗ	Cộng đồng, các bên liên quan	Chặt chọn Trồng dặm Sao, Dầu Bảo vệ rừng					x	x		
Đăng N'ho		Nghèo	33	Phòng hộ	Nhóm 1	Trồng dặm Sao, Dầu Bảo vệ rừng			x	x	x	x	x	
Đăng Ta Rlăng 1		Già	79	Sản xuất gỗ	Cộng đồng, các bên liên quan	Chặt chọn Trồng dặm Sao, Dầu Bảo vệ rừng				x	x	x		

Mẫu 9: Mẫu biên bản vi phạm quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng

Ủy ban nhân dân xã
Thôn/buôn:.....
No:...../.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN VI PHẠM
QUY ƯỚC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Hôm nay ngày
Tại (vị trí vi phạm):
Đại diện nhóm bảo vệ rừng bao gồm:
.....
Người phát hiện (hoặc nhân chứng):.....
Lập biên bản vi phạm quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng với những đối tượng sau:

Họ tên	Tuổi	Nghề nghiệp	Địa chỉ

Về việc.....
.....
Tang vật gồm:
.....
Phương tiện vi phạm:
.....
Bồi thường theo quy ước (Số tiền)
.....
Tuyên bố rằng tất cả các tang vật và phương tiện sẽ được đưa về buôn để xử lý theo quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng của thôn buôn.
Biên bản này được làm thành 3 bản, đọc công khai và có chữ ký của các bên.

Người vi phạm

Người phát hiện (nhân chứng)

T/M Nhóm bảo vệ rừng

Mẫu 10: Mẫu ghi trách nhiệm của Ban quản lý rừng cộng đồng

Xã		Buôn		Tổng số hộ		Thời gian	
Thành viên Ban quản lý rừng thôn [Chức vụ, họ tên]			Thù lao	Nhiệm vụ			
Trưởng Ban							
Phó ban							
Thành viên							
Thành viên							
Phê duyệt							
Thành phần của Ban quản lý rừng thôn đã được dân trong thôn bầu chọn cho nhiệm kỳ từ tới đã được báo cáo với Ủy ban Nhân dân xã và đã được xã phê duyệt.							
Ủy ban Nhân dân xã							
Ngày			Ký tên				
Nguyên tắc làm việc							
1							
2							
3							
4							

Mẫu 11: Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch quản lý rừng 5 năm của thôn buôn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

BẢN QUẢN LÝ RỪNG BUÔN.....

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG 5 NĂM
BUÔN.....**

XÃ..... HUYỆN.....

(Từ năm đến)

Bao gồm:

- Biểu nhu cầu lâm sản của thôn buôn trong 5 năm tới (1 bản)
- Sơ đồ so sánh cấu trúc lô rừng hiện tại và cấu trúc rừng ổn định (1 bản/lô)
- Biểu cân đối cung cầu lâm sản của thôn buôn 5 năm đến (1 bản)
- Biểu kế hoạch hoạt động 5 năm của các lô rừng (1 bản/lô)
- Biểu tổng hợp kế hoạch 5 năm quản lý rừng của thôn (1 bản)
- Quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng (1 bản)
- Thành phần ban quản lý rừng cộng đồng (1 bản)

Ngày.....tháng..... năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

BAN QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG BUÔN...

Ngày.....tháng..... năm.....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Mẫu 12: Mẫu kế hoạch hoạt động năm

(Ví dụ - Buôn Bu Nơr A-B)

Stt	Hoạt động	Lô rừng	Diện tích (ha)	Số lượng	Trách nhiệm	Phê duyệt của UBND xã (Địa điểm, số lượng được duyệt)
1	Tỉa thưa lấy gỗ	Yông Đông	88	1.200 cây sồng (>40cm)	Ban quản lý rừng cộng đồng	
		Đăng Kră	17	100 cây cam (30 – 40cm) 500 cây sồng (>40cm)	Tất cả các hộ Các bên liên quan hỗ trợ	
2	Khoanh nuôi xúc tiến tác sinh tự nhiên	Đồi trọc Đăng Ta Rlăng	19	19 ha	Nhóm hộ 3	
3	Bảo vệ rừng	17 lô rừng	630	630 ha	Ban quản lý rừng cộng đồng 8 nhóm hộ Các bên liên quan	

....., ngày.....tháng.....năm 200.....

Trưởng ban quản lý rừng cộng đồng

Ủy ban nhân dân xã

Mẫu 13: Mẫu đề nghị khai thác gỗ để sử dụng trong hộ gia đình

Đề xuất – Số lượng gỗ khai thác		
Thôn:		
Tên hộ gia đình:	Số thành viên trong hộ:	
Hãy chọn và đánh dấu (☑) những công trình/ sản phẩm mà anh/chị muốn khai thác gỗ để làm: Nhà mới ☐ Sửa nhà ☐ Bếp mới ☐ Sửa bếp ☐ Chuồng trại mới ☐ Sửa chuồng trại ☐ Khác (hãy nêu rõ):		
Tại sao anh/chị muốn làm những công trình/sản phẩm đó? ----- ----- ----- Khi nào anh/chị muốn khai thác gỗ (ghi rõ khoảng thời gian): -----		
BQLR thôn điền vào phần dưới đây:		
Đồng ý sản phẩm : ----- Thời gian cho phép lấy gỗ: Từ ----- đến ----- Đồng ý với số lượng cây và lô rừng như sau:		
<i>Cấp kính</i>	<i>Số lượng cây</i>	<i>Tên lô rừng đồng ý cho khai thác</i>
Sóng [27 – 29,9 cm]		
Da cam [24 – 26,9 cm]		
Đỏ [21 – 23,9 cm]		
Trắng [18 – 20,9 cm]		
Xanh/chấm [12 – 17,9 cm]		
Đơn xin khai thác gỗ được BQLR thôn thông qua: ----- Ngày _____ (BQLR thôn)		
Đơn xin khai thác gỗ được BQLR xã thông qua: ----- Ngày _____ (BQLR xã)		

Mẫu 14: Bản phê duyệt khai thác gỗ để sử dụng trong hộ gia đình

Phê duyệt - Khai thác (hộ gia đình giữ)		
Tên hộ gia đình:		
Thời gian khai thác gỗ : _____		
Số lượng cây và lô rừng được phép khai thác		
Cấp kính	Số lượng cây	Tên lô rừng được phép khai thác
Sóng [27 – 29,9 cm]		
Da cam [24 – 26,9 cm]		
Đỏ [21 – 23,9 cm]		
Trắng [18 – 20,9 cm]		
Xanh/chấm [12 – 17,9 cm]		
BQLR thôn thông qua thiết kế khai thác:		
Ngày		(BQLR thôn)
LỰA CHỌN: Xác nhận số tiền trả cho số gỗ khai thác		
Tên hộ gia đình:		
Số lượng cây đã khai thác:		
Cấp kính	Số lượng cây	Số tiền trả cho số gỗ khai thác
Sóng [27 – 29,9 cm]		
Da cam [24 – 26,9 cm]		
Đỏ [21 – 23,9 cm]		
Trắng [18 – 20,9 cm]		
Xanh/chấm [12 – 17,9 cm]		
Tổng số tiền hộ gia đình phải trả cho số gỗ khai thác :		
Xác nhận hộ gia đình đã trả tổng số tiền trên cho BQLR thôn.		
Ngày		(BQLR thôn)

Mẫu 15: Sổ ghi chép của thôn về khai thác gỗ của hộ gia đình

Thôn		Giai đoạn lập kế hoạch	Từ.....đến.....		
Lô rừng		Mục đích quản lý		Diện tích [ha]	

Cấp kính	Sóng [27 – 29,9]	Da cam [24 – 26,9]	Đỏ [21 – 23,9]	Trắng [18 – 20,9]	Chấm [15 – 17,9]	Xanh [12 – 14,9]	Kê sọc [9 – 11,9]	Đen [6 – 8,9]	Thuế	Ngày	BQLR xã ký
(A) Số lượng được phép khai thác (= Số lượng cây được phép khai thác trong kế hoạch quản lý hàng năm)											
Tên hộ gia đình	Số lượng cây khai thác trên hộ										Hộ gia đình ký tên
(B) Tổng số cây đã khai thác trong lần chặt đầu tiên = Σ số cây/cấp kính									Tổng thuế:		
(C) Cân đối: $C = A - B$											Ngày Ký tên (BQLR thôn)

Mẫu 16: Sổ theo dõi khai thác gỗ để sử dụng ở các thôn - BQLR xã sử dụng

Thôn		Giai đoạn	Từ.....đến.....		
Lô rừng		Mục đích quản lý		Diện tích [ha]	

Cấp kính	Sóng [27 – 29,9]	Da cam [24 – 26,9]	Đỏ [21 – 23,9]	Trắng [18 – 20,9]	Chấm [15 – 17,9]	Xanh [12 – 14,9]	Kẽ sọc [9 – 11,9]	Đen [6 – 8,9]	Ngày	Chữ ký	
										BQLR xã	BQLR thôn
(A) Số lượng được phép khai thác											
(B) Số lượng đã khai thác trong giai đoạn 1 = Σ số cây đã khai thác / cấp kính											
(C) Cân bằng sau đợt khai thác 1 $C = A - B$											
(D) Số lượng đã khai thác trong giai đoạn 2 = Σ số cây đã khai thác / cấp kính											
(E) Cân bằng hàng năm $E = C - D$											

Tên thôn: _____ Tên lò rừng: _____
 Khu vực : _____ Tên người ghi chép: _____
 Đề xuất thời gian khai thác: Từ _____ Đến _____

Cấp kính:

Đỏ

> 29,9cm